

CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Số: 248 /CV-HTSS

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quang Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chúng tôi là Công ty TNHH HTSS Việt Nam, chủ cơ sở “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có nước thải phát sinh đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Quang Minh, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất có tổng lưu lượng cần xử lý khoảng 90.000 m³/giờ).

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ thực hiện nhà máy: Xưởng số 6, Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên mã số doanh nghiệp: 0110293694, do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/3/2023 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30/05/2024.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ Cơ sở: Bà Trần Thu Thủy

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 024 3599 0088.

Chúng tôi gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo đăng ký bảo vệ môi trường cơ sở “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng”.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng”/.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP.



**GIÁM ĐỐC
TRẦN THU THỦY**

CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở

**Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe
máy, điện tử, đồ gia dụng.**

**Địa điểm thực hiện nhà máy: Xưởng số 6, Lô 49G, Khu
công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà
Nội**

Quang Minh, tháng 08 năm 2026

Số: 248-1 /CV-HTSS

Quang Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng”

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chúng tôi là Công ty TNHH HTSS Việt Nam, chủ cơ sở “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có nước thải phát sinh đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Quang Minh, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất có tổng lưu lượng cần xử lý khoảng 90.000 m³/giờ).

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ thực hiện nhà máy: Xưởng số 6, Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên mã số doanh nghiệp: 0110293694, do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/3/2023 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30/05/2024.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ Cơ sở: Bà Trần Thu Thủy

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 024 3599 0088;

Công ty TNHH HTSS Việt Nam đăng ký môi trường cho cơ sở “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng” với các nội dung sau:

I. Thông tin chung về cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng”.

1.2. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH HTSS Việt Nam.

1.3. Địa điểm thực hiện cơ sở: Xưởng số 6, Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng được thực hiện tại Nhà xưởng số 6, Lô 49G có diện tích là 3.120 m² (Hợp đồng thuê và cho

thuê nhà xưởng số 01-2023/NGG7-HTSS ngày 28/4/2023) trong KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.



Hình 1: Vị trí nhà máy trong KCN Quang Minh

Tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục công trình của Nhà máy được tổng hợp trong bảng dưới đây (bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng Nhà máy được đính kèm tại Phụ lục):

Bảng 1: Quy mô các hạng mục công trình của Nhà máy

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Số tầng
I.1	Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà xưởng	m ²	2300	
2	Nhà để xe	m ²	372	
3	Sân bãi	m ²	308	
I.2	Công trình bảo vệ môi trường			
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa nhà xưởng	Hệ thống	-	Hệ thống ngầm
2	Hệ thống thu gom và thoát nước thải nhà xưởng	Hệ thống	-	
3	Bể tự hoại xử lý sơ bộ NTSH	Bể	01	
4	Kho lưu giữ CTNH	m ²	10	Năm trong nhà xưởng
6	Kho lưu giữ CTRTT	m ²	10	

TT	Hạng mục xây dựng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Số tầng
7	Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn	m ²	140	
	Tổng		3.120	

Cơ sở mua lại toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị từ Dự án “Dự án thành lập Công ty TNHH một thành viên hỗ trợ hậu cần kỹ thuật và sản xuất Attack Việt Nam” thuộc Công ty TNHH Một thành viên hỗ trợ hậu cần kỹ thuật và sản xuất Attach Việt Nam (Hợp đồng mua bán tài sản số 01-2023/ALM-HTSS ngày 10/04/2023 và Hợp đồng số 02-2023/ALM-HTSS ngày 28/4/2023).

1.4. Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ Việt Nam Đồng).

Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (theo quy mô, mức độ quan trọng), Nhà máy thuộc nhóm C (Theo khoản 4, Điều 10, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024).

Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện nhựa cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng và các ngành công nghiệp khác.

Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở được dẫn nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Quang Minh, phát sinh khí thải cần xử lý có lưu lượng nhỏ hơn 100.000 m³/giờ (tổng lưu lượng khí thải phát sinh tại Cơ sở là khoảng 90.000 m³/giờ), căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký bảo vệ môi trường đến UBND cấp tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội thì đăng ký bảo vệ môi trường của Cơ sở sẽ được tiếp nhận bởi Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

❖ Tiến độ thực hiện cơ sở

- Cơ sở mua lại nhà máy từ đơn vị đã lắp đặt máy móc hoàn chỉnh do đó cơ sở sẽ thực hiện thay đổi hoạt động của nhà máy sau khi Đăng ký môi trường này như sau:
- + Thực hiện bảo dưỡng, vận hành hiệu chỉnh dây chuyền sản xuất và các công trình phụ trợ: ngay sau khi hoàn thành đăng kí môi trường, dự kiến là ngày 01/10/2026 đến ngày 14/10/2026;
- + Thực hiện sản xuất theo kế hoạch mới: dự kiến là từ ngày 15/10/2026.

1.5. Quy mô công suất:

Công suất của nhà máy được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2: Công suất của nhà máy

STT	Sản phẩm	Quy mô công suất (*)	
		ĐTM (Công ty Attach VN) (sản phẩm/năm)	ĐKMT (sản phẩm/năm)

1	Gia công sơn, in các linh kiện cho ngành sản xuất ô tô và xe máy, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng và các ngành công nghiệp khác.	13.400.000	13.400.000
	Tổng	13.400.000	13.400.000

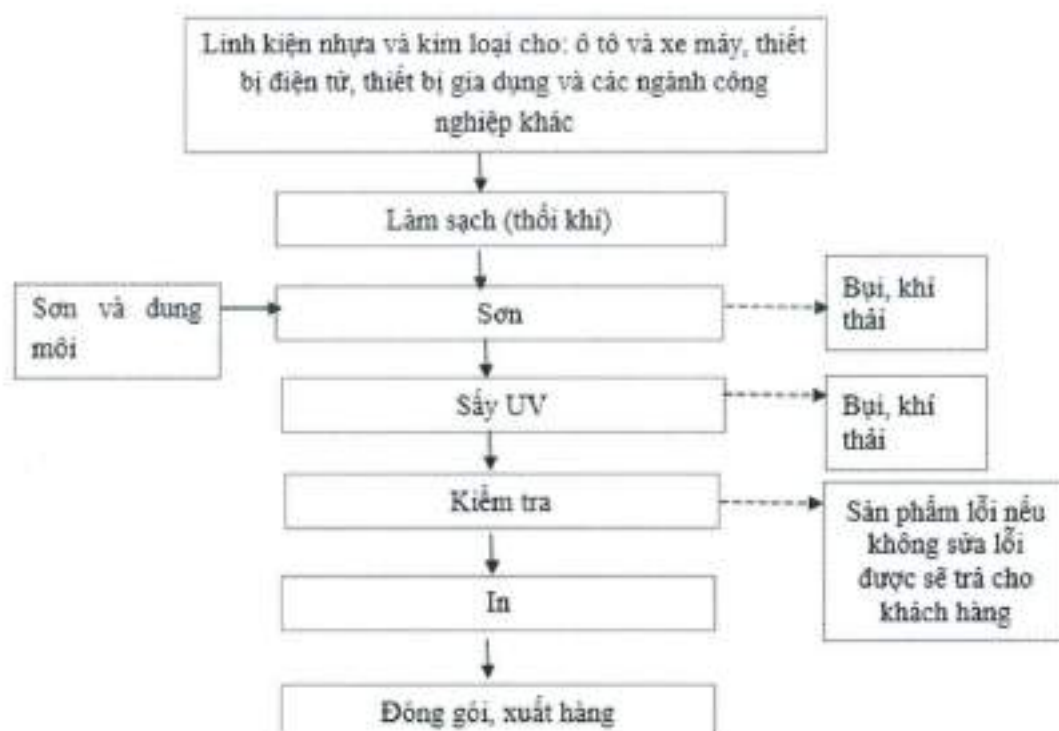
(Nguồn: Công ty TNHH HTSS Việt Nam, 2026)

Ghi chú:

(*) Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Dự án thành lập Công ty TNHH một thành viên hỗ trợ hậu cần kỹ thuật và sản xuất Attack Việt Nam” thuộc Công ty TNHH Một thành viên hỗ trợ hậu cần kỹ thuật và sản xuất Attach Việt Nam, quy mô công suất của nhà máy là 13.400.000 sản phẩm/năm, khi cơ sở mua lại dự án, cơ sở sẽ giữ nguyên quy mô theo ĐTM của đơn vị được mua lại.

1.6. Công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở:

Công nghệ gia công các linh kiện tại nhà máy gồm các bước sau:



Hình 2: Quy trình gia công sơn linh kiện tại Nhà máy

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nguyên vật liệu đầu vào của nhà máy là các bán thành phẩm nhựa từ nhà cung cấp gồm: vỏ điện thoại, khung điện thoại, tab, phím điện thoại... Sau khi nhận được đơn hàng, đội ngũ kỹ sư của Công ty sẽ tiến hành chọn màu sắc theo yêu cầu, điều khiển bộ pha sơn, lắp hàng vào khuôn mẫu để đưa vào hệ thống máy phun sơn công nghệ cao thực hiện sơn tự động tại các buồng sơn theo chương trình lập sẵn. Tại công đoạn pha sơn được bổ sung thêm dung môi pha sơn (Thinner) giảm độ nhớt của hỗn hợp sơn, giúp cho quá trình sơn dễ dàng hơn, màng sơn mỏng hơn, đồng thời tiết kiệm được lượng sơn sử dụng.

Chi tiết sau khi được sơn xong sẽ được đưa vào công đoạn kiểm tra, các chi tiết không đạt yêu cầu sẽ được sửa lỗi (sơn lại tại buồng sơn), trong trường hợp chi tiết lỗi không thể sửa chữa, chi tiết sẽ được chuyển giao lại cho khách hàng, cơ sở không tự xử lý chi tiết lỗi.

Chi tiết sau khi được hoàn thành gia công sơn sẽ được chuyển sang công đoạn in, các chi tiết sẽ được in thông tin theo yêu cầu của khách hàng, chi tiết sau in sẽ được đóng gói và chuyển giao đến khách hàng.

Bảng 3: Danh mục máy móc thiết bị tại Nhà máy

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
I	Máy móc phục vụ sản xuất			
1	Dây chuyền sơn (Dây chuyền sơn có 06 buồng trong đó 01 buồng thổi khí và sơn lót, 01 buồng thổi khí, 03 buồng sơn tự động và 01 buồng sấy UV)	01	Việt Nam	Hoạt động ổn định
2	Máy in thông tin sản phẩm	02	Hàn Quốc	
3	Máy nén khí	03	Việt Nam Hàn Quốc	
4	Lò sấy điện	05	Hàn Quốc	
5	Máy sấy khí	05	Việt Nam	
6	Máy tắm khí	03	Việt Nam	
II	Máy móc phục vụ kiểm tra sản phẩm			
7	Máy kiểm tra bước sóng	01	Hàn Quốc	Hoạt động ổn định
8	Máy kiểm tra độ ẩm	01	Hàn Quốc	
9	Máy kiểm tra độ cứng	01	Trung Quốc	
10	Máy test rubbing	02	Hàn Quốc	
11	Máy kiểm tra độ bền bằng UV	01	Hàn Quốc	

(Nguồn: Công ty TNHH HTSS Việt Nam, 2026)



Hình 3: Dây chuyền sơn, in tại nhà máy

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở

- Hiện nay cơ sở đang hoạt động với hoạt động chính là kho lưu giữ sản phẩm thương mại, dự kiến khi nhà máy đi vào vận hành ổn định 100% công suất, số lượng lao động làm việc tại nhà máy là khoảng 120 người. Tại nhà máy không có hoạt động nấu ăn, công nhân được cung cấp xuất ăn công nghiệp từ đơn vị bên ngoài nhà máy.

❖ Nhu cầu nguyên, nhiên liệu của nhà máy

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Công ty TNHH Một thành viên hỗ trợ hậu cần kỹ thuật và sản xuất Attach Việt Nam (Đơn vị Cơ sở mua lại thiết bị, nhà xưởng), nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hóa chất tại nhà máy khi vận hành ổn định như sau:

Bảng 4: Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại Nhà máy

STT	Nguyên, nhiên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng sử dụng	
			ĐTM	ĐKMT
I	Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất			
1	Chi tiết nhựa (linh kiện nhựa cho ô tô và xe máy, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng và các ngành công nghiệp khác)	tấn/năm	13.400.000	13.400.000
2	Sơn	tấn/năm	88	88
3	Dung môi pha sơn	tấn/năm	122	122
4	Mực in	Kg/năm	24	24
5	Dầu máy	Kg/năm	1.500	1.500
6	Vật liệu đóng gói (Nilong)	tấn/năm	2,5	2,5
7	Vật liệu đóng gói (giấy các loại)	tấn/năm	7,5	7,5
II	Nguyên vật liệu phục vụ vận hành công trình bảo vệ môi trường			
1	Than hoạt tính (hệ thống XLKT)	Kg/năm	8.000	8.000

2	Chất kết tủa hệ thống xử nước thải đập bụi sơn	Kg/năm	3.700	3.700
3	Hóa chất khử mùi	Kg/năm	700	700

(Nguồn: Công ty TNHH HTSS Việt Nam, 2026)

❖ Nhu cầu sử dụng nước cấp

Khi nhà máy vận hành 100% công suất, nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy như sau:

- Nước cấp phục vụ sinh hoạt: 5,4 m³/ngày (tương ứng với định mức sử dụng nước là 45 lít/người/ngày, nhà máy không có hoạt động nấu ăn và số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy hiện nay là 120 người).

- Nước cấp tưới cây rửa đường: 0,85 m³/ngày (Căn cứ vào hoạt động thực tế của nhà máy).

- Nước cấp hệ thống xử lý khí thải: 2 m³/ngày (Căn cứ vào hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên hỗ trợ hậu cần kỹ thuật và sản xuất Attach Việt Nam).

Tổng nhu cầu sử dụng nước của nhà máy khi nhà máy đi vào vận hành ổn định là 8,25 m³/ngày.

Bảng 5: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại Nhà máy khi vận hành ổn định

STT	Mục đích sử dụng	Khối lượng (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Nước cấp	Nước thải	
1	Sinh hoạt	5,4	5,4	Định mức 45l/người. Nước thải bằng 100% lượng nước cấp
2	Tưới cây rửa đường	0,85	0	Thấm đất/bay hơi
3	Nước cấp hệ thống xử lý khí thải	2	0	Tuần hoàn không thải ra bên ngoài, bù cấp bay hơi
	Tổng	8,25	5,4	

Nguồn cung cấp nước: Nguồn nước sử dụng cho Nhà máy được lấy từ hệ thống cấp nước sạch của KCN Quang Minh.

❖ Nhu cầu sử dụng điện

- Nhu cầu sử dụng điện khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định dự kiến khoảng 190.000 KWh/tháng.

- Nguồn cung cấp điện: KCN Quang Minh. Điện của KCN cấp đến trạm biến áp của nhà máy.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở.

3.1. Đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải chính của Nhà máy là nước thải sinh hoạt.

❖ Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các Khu nhà vệ sinh tại Nhà máy;

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, dầu mỡ, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và vi sinh gây bệnh....

Bảng 6: Đánh giá lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khi nhà máy vận hành đạt 100% công suất

TT	Nội dung	Khối lượng (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Nhà máy	5,4 (120 lao động)	Định mức sử dụng nước là 45 lít/người/ngày.
2	Nước thải sinh hoạt	5,4	Lượng nước thải phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp

Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khi nhà máy đi vào hoạt động ổn định (100% công suất) là khoảng 5,4 m³.

❖ Nước thải sản xuất:

Tại nhà máy ngoài nước cấp phục vụ cho sinh hoạt, nước cấp còn phục vụ cho hoạt động xử lý khí thải (công đoạn dập bụi sơn trong hệ thống xử lý khí thải). Nước được cấp bổ sung hàng ngày vào hệ thống để bù lượng bay hơi, tuy nhiên lượng nước trong bể tuần hoàn dập bụi sơn có thể sẽ phải xả ra khi chất lượng nước trong bể không thể đáp ứng phục vụ xử lý nước khí thải. Khi đó toàn bộ nước trong bể sẽ được phân định là chất thải nguy hại và Cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng xử lý và không thải ra hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

Hiện nay chất lượng nước thải sau xử lý tại hố ga thoát nước trước đi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Quang Minh đều đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT. Lượng nước thải phát sinh tại Nhà máy nếu không được thu gom, xử lý sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng nước đầu vào của hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Quang Minh, dẫn đến ảnh hưởng đến hiệu suất xử lý nước thải chung của trạm xử lý của KCN.

3.2. Đối với khí thải

Tùy thuộc vào yêu cầu của đơn hàng, bán thành phẩm sẽ được thực hiện công đoạn phun sơn. Công đoạn sơn được thực hiện tại khu vực phòng sơn riêng biệt có bố trí buồng sơn kín hoàn toàn, hạn chế tối đa được vấn đề phát tán hơi, cặn sơn ra môi trường bên ngoài.

Theo định mức tính toán, lượng sơn sử dụng trung bình là 88 tấn/năm tương đương khoảng 118.800 lít sơn/năm (với khối lượng riêng của sơn là 1,35 kg/l).

Ti lệ dung môi pha sơn sử dụng là 122 tấn/năm, trung bình 1 năm làm việc khoảng 312 ngày, lượng dung môi sơn sử dụng là 0,39 tấn/ngày. Thành phần các loại dung môi có trong Thinner chủ yếu là: Toluene (20-30%), Xylene (5-15%), Metyl Isobutyl Ketone (20-30%), Cyclohexanol (10-20%), Di-Isobutyl Ketone (20-30%).

Quá trình phun sơn được thực hiện trong buồng phun kín, tự động có diện tích buồng sơn là 30 m². Theo giáo trình kỹ thuật xử lý khí thải – tác giả Phan Tuấn Triều, lượng bay hơi dung môi và chất sơn được tính toán theo công thức sau:

$$G = (A \times m \times F) / (100 \times Z) \text{ g/giờ}$$

Trong đó:

A: Lượng tiêu thụ sơn trên 1 m² bề mặt vật liệu (g/m²)

m: Hàm lượng chất bay hơi trong sơn.

F: Tổng diện tích bề mặt khu vực sơn (m²)

Z: Thời gian sơn khô (h) khoảng 60 phút

Tham số A và m được tra theo bảng sau:

Loại sơn và phương pháp sơn	A (g/m ²)	m(%)
Sơn không màu bằng chổi	200	92
Sơn màu và men trắng bằng máy phun	480	75
Chất phủ nito quét bằng chổi	100-180	35-10
Keo Nito quét bằng chổi	160	80-150
Sơn phun	60-90	35

Phương pháp sơn của Cơ sở là phun sơn, do đó A=60-90 (chọn trung bình là =75 g/m²) và m = 35%.

Như vậy, thay số liệu vào công thức, tính được lượng bay hơi dung môi là:

$$G = (75 \times 35\% \times 30) / (100 \times 1) = 7,88 \text{ g/h}$$

Công đoạn phun sơn được vận hành theo cơ chế tự động cụ thể như sau:

- Pha sơn: Sơn gốc, sơn lót và dung môi được đồng thời pha trộn tự động trong hệ kín bằng máy theo công thức chỉ dẫn của nhà cung cấp.

- Phun sơn: Sơn sau khi được pha được bơm dẫn vào các đầu phun sơn. Toàn bộ quá trình phun sơn được thực hiện tự động. Mặt khác, bên ngoài buồng phun sơn đã được bố trí sẵn lớp vách ngăn với khu vực khác giúp cách ly khu vực sơn. Hơi sơn phát sinh được thu gom xử lý tại hệ thống XLKT sơn, được bố trí lắp đặt bên ngoài nhà xưởng. Như vậy tác động từ quá trình phun sơn đến sức khỏe người lao động là không đáng kể.

3.3. Đối với CTRTT

CTRTT phát sinh tại nhà máy gồm có:

- CTRSH: phát sinh từ hoạt động của công nhân, với số lượng khoảng 120 lao động làm việc tại Nhà máy và định mức phát sinh CTRSH của 1 lao động trong 1 ca làm việc là 0,5 kg thì khối lượng CTRSH phát sinh tại Cơ sở khi nhà máy đi vào vận hành ổn định là 60 kg/ngày tương ứng 18.720 kg/năm.

- CTRCNTT: Tại cơ sở không có CTRCNTT do vật liệu đóng gói hay sản phẩm lỗi sẽ được chuyển giao lại cho khách hàng.

- Bùn thải từ hệ thống bể phốt (với lượng bùn hút định kỳ chiếm khoảng 80% thể tích bể và trọng lượng trung bình của bùn thải là khoảng 1,4 tấn/m³).

Dự báo khối lượng CTRTT phát sinh tại nhà máy khi vận hành ổn định 100% được thống kê tại bảng sau:

Bảng 7: Dự báo khối lượng CTRTT phát sinh khi nhà máy khi đi vào vận hành ổn định 100% công suất

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT
1	CTRSH	18,72	Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh
2	Bùn thải từ bể tự hoại	70	
	Tổng	88,72	

(Nguồn: Công ty TNHH HTSS Việt Nam, 2026)

3.3. Đối với CTNH

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Công ty TNHH Một thành viên hỗ trợ hậu cần kỹ thuật và sản xuất Attach Việt Nam, dự báo các loại CTNH và khối lượng phát sinh tại nhà máy khi nhà máy vận hành ổn định 100% công suất như sau:

Bảng 8: Dự báo các loại CTNH và khối lượng phát sinh tại nhà máy khi nhà máy vận hành ổn định 100% công suất

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Đèn led thải	19 02 06	10	Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh
2	Bao bì thải bằng nhựa	18 01 03	19.000	
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	7.500	
4	Giẻ lau, găng tay dính dầu, sơn thải	18 02 01	50	
5	Cặn sơn, sơn và vecni thải	08 01 01	44.100	
6	Nước thải lẫn sơn hoặc vecni có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH	08 01 04	500	
7	Than hoạt tính thải từ quá trình XLKT	12 04 04	8.000	
	Tổng		79.160	

(Nguồn: Công ty TNHH HTSS Việt Nam, 2025)

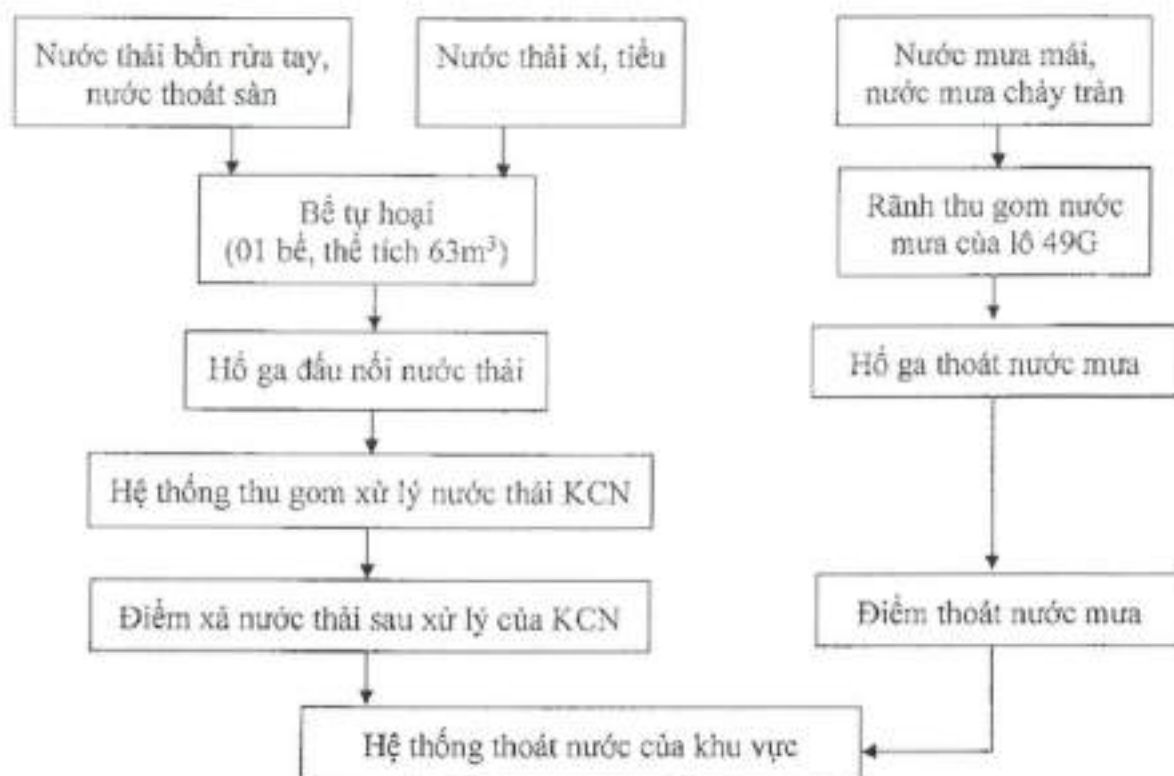
Chất thải nguy hại là những những loại chất thải gây ô nhiễm môi trường đặc biệt gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người bởi những thành phần có chứa nhiều chất nguy hiểm.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở.

4.1. Phương án thu gom, xử lý nước thải

a1. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

Toàn bộ nước mưa, nước thải phát sinh từ Cơ sở sẽ được thu gom riêng biệt theo cơ sở hạ tầng đã được thiết kế sẵn của nhà xưởng cho thuê, khi đi vào hoạt động chủ Cơ sở giữ nguyên hiện trạng và tiếp tục sử dụng. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải như sau:



Hình 4: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa, nước thải của Nhà máy.

Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Nhà máy như sau:

Bảng 9: Tổng hợp thông số về hệ thống thu gom, thoát nước thải của Nhà máy

TT	Loại đường ống	Chiều dài	Đơn vị
I	Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt		
1	PVC D90	150	m
2	PVC D110	34	m
3	Rãnh thu gom, thoát nước thải 50x60 cm	188	m

❖ **Điểm xả nước thải**

Nước thải sau xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của KCN được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Minh thông qua 01 điểm đầu nối.

- Tọa độ vị trí cửa xả nước thải của Nhà máy vào hệ thống thoát nước thải của KCN (theo tọa độ VN – 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰) như sau:

STT	Số hiệu điểm đầu nối	Hệ tọa độ VN - 2000	
		X (m)	Y (m)
1	Y_{nt}	2345605	577595

(Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom, thoát nước thải được đính kèm tại Phụ lục).

a2. Xử lý nước thải:

Để xử lý sơ bộ lượng nước thải từ các khu nhà vệ sinh trong nhà máy, tại nhà máy đã tiến hành đầu tư xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 63 m³. Sơ đồ xử lý tại các bể tự hoại 3 ngăn tại nhà máy như sau:



Hình 5: Sơ đồ xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý làm việc của bể tự hoại đồng thời làm 2 chức năng lắng và phân hủy yếm khí cặn lắng. Nước thải sau khi qua ngăn 1 để tách cặn sẽ tiếp tục qua ngăn 2 xử lý sinh học rồi qua ngăn lắng 3. Cặn lắng được lưu giữ trong bể từ 3 – 6 tháng, dưới tác động của vi sinh vật yếm khí các chất hữu cơ được phân hủy thành khí CO_2 , CH_4 và các chất vô cơ. Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng sẽ đạt hiệu suất lắng cặn trung bình 50 - 70% cặn lơ lửng (*TSS*) và 25 - 45% chất hữu cơ (*BOD* và *COD*). Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần trong bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn hoặc do môi trường sống không thích hợp. Cũng chính vì vậy, trong phân bùn của bể tự hoại chứa một lượng rất lớn các mầm bệnh có nguồn gốc từ phân và cần được thu gom lưu giữ, vận chuyển, xử lý đúng quy cách.

a3. Nước mưa chảy tràn

Toàn bộ nước mưa mái của nhà xưởng được tự chảy đồng bộ về cống thu gom nước nội bộ BTCT đường kính D300. Dọc theo cống thoát nước chúng được bố trí các hố ga lắng cặn kích thước 0,6x0,6m. Khoảng cách trung bình của các hố ga thu nước mưa là khoảng 15m/hố ga. Sau đó nước mưa được đầu nối với hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Quang Minh tại 01 điểm đầu nối là hố ga có kích thước (rộng x cao) 1,0mx1,0m, được bố trí giáp khu vực nhà để xe và cổng chính của Công ty Ngân Giang, trên tuyến cống trước khi chảy vào hố ga cuối có bố trí song chắn rác bằng kim loại để giữ lại các tạp chất thô, cặn rác, lá cây để tránh tắc cống.

Vị trí điểm thoát nước mưa theo hệ tọa độ VN 2000, kinh độ 105°00', múi chiều 3° như sau: X=2345682 (m); Y=422129 (m).

Ngoài ra, Công ty còn kết hợp thực hiện các biện pháp sau:

- + Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống các hố ga, cống, rãnh dẫn nước mưa để đảm bảo tiêu thoát nước và phát hiện các hỏng hóc, từ đó có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời, tần suất kiểm tra khoảng 06 lần/tháng.

- + Đảm bảo vệ sinh sân, đường nội bộ luôn sạch sẽ; duy trì công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh môi trường theo đúng quy định không để chất thải rắn, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

- + Bố trí các thùng lưu giữ CTR sinh hoạt trong khuôn viên Nhà máy, thu gom và lưu giữ các chất thải một cách hợp lý và vệ sinh để tránh các chất này bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

4.2. Phương án thu gom, xử lý khí thải

Trên cơ sở hoạt động của dây chuyền sơn đã lắp đặt cùng với các hệ thống XLKT tương ứng, nhà máy sẽ tiếp tục thực hiện việc thu gom xử lý khí thải của dây chuyền sơn như sau:

+ Khoanh vùng và hạn chế tập trung đông nhân viên làm việc tại khu vực dây chuyền sơn.

+ Thu hồi toàn bộ hơi VOC phát sinh tại đầu ra của dây chuyền sơn về hệ thống lọc hấp phụ bằng than hoạt tính đã được đầu tư đồng bộ cùng dây chuyền sơn.

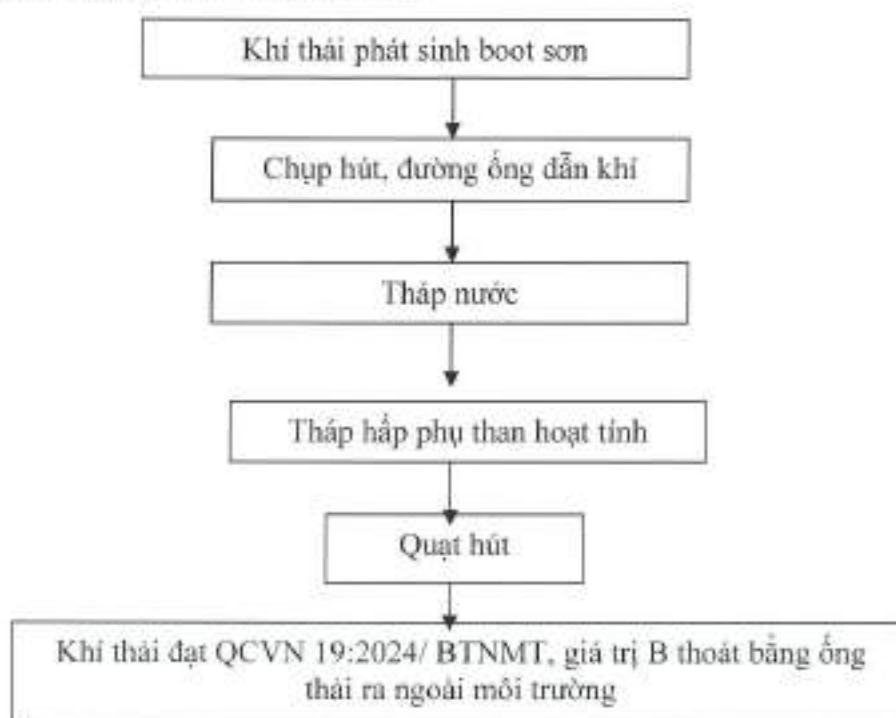
Tổng hợp nguồn và các hệ thống xử lý khí thải sơn tại nhà máy như sau:

Bảng 10: Tổng hợp nguồn phát thải và các hệ thống xử lý khí thải sơn tại nhà máy

STT	Nguồn phát thải	Hệ thống XLKT	Ký hiệu ống thải
1	Boot khử khí 1 và sơn lót	Hệ thống XLKT số 01 – công suất 18.000 m ³ /giờ	OT1
2	Boot khử khí 2 và Boot sấy UV	Hệ thống XLKT số 02 – công suất 18.000 m ³ /giờ	OT2
3	Boot sơn 1	Hệ thống XLKT số 03-1 – công suất 18.000 m ³ /giờ	OT3 – Khí thải sau 03 hệ thống XLKT sẽ được thoát chung về 01 ống thải
4	Boot sơn 2	Hệ thống XLKT số 03-2 – công suất 18.000 m ³ /giờ	
5	Boot sơn 3	Hệ thống XLKT số 03-3 công suất 18.000 m ³ /giờ	

Đối với dây chuyền sơn tại nhà máy, mỗi một buồng sơn, sấy chỉ tiết đã được lắp đặt đồng bộ 01 hệ thống xử lý khí thải với công nghệ xử lý và công suất xử lý tương tự nhau. Quy trình xử lý khí thải của các hệ thống xử lý khí thải được trình bày như sau:

❖ **04 Hệ thống XLKT từ các boot sơn**



Hình 6: Sơ đồ quy trình xử lý khí thải các boot sơn tại Nhà máy

Thuyết minh quy trình xử lý:

Khí phát sinh từ quá trình phun sơn chi tiết được thu về hệ thống xử lý khí thải được tích hợp cùng dây chuyền phun sơn nhờ các hòng hút ngay phía trên buồng sơn và thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom khí thải. Khí thải từ các hòng hút được dẫn qua trục ống tổng về tháp phun nước tuần hoàn để làm giảm nhiệt độ dòng khí và dập bụi sơn. Trên cùng của tháp dập nước sẽ bố trí ngăn chứa vật liệu hút ẩm để làm khô dòng khí trước khi vào tháp hấp phụ than hoạt tính. Dòng khí thải khô sẽ làm ổn định hiệu quả xử lý khí thải tại tháp hấp phụ than hoạt tính.

Quá trình dập bụi sơn tại tháp nước được diễn ra theo cơ chế phun sương, nước từ quá trình dập bụi sơn được bơm từ bể tuần hoàn (dung tích 27 m³) về các tháp nước thông qua đường ống D120. Nước thải từ quá trình dập bụi sơn sẽ được thu gom về bể tuần hoàn bằng máng thoát nước kích thước 20x50mm.

Tại bể tuần hoàn sẽ được định kỳ châm hóa chất khử mùi và chất kết tủa cặn sơn, hàng ngày, công nhân sẽ thu gom váng sơn, cặn sơn kết tủa. Cặn sơn kết tủa được phân định là CTNH và định kỳ khi đủ khối lượng sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Nước tại bể tuần hoàn được châm bổ sung hàng ngày và không được xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Minh, nước trong bể chỉ được xả trong trường hợp bể gặp sự cố và không thể phục vụ quá trình dập bụi sơn tại tháp nước. Nước trong bể lúc này sẽ được phân định là CTNH và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

Khí thải tiếp tục đi qua ống dẫn khí về tháp hấp phụ than hoạt tính. Toàn bộ khí thải sau khi qua buồng than hoạt tính được quạt hút đẩy khí sạch ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

Tại cơ sở có 04 hệ thống XLKT từ các buồng sơn, tuy nhiên tại Buồng khử khí 01 và sơn lót sẽ được thu gom xử lý tại 01 hệ thống XLKT số 01 và khí thải thoát ra thông qua 01 ống thải có đường kính D650mm, chiều cao ống thải vượt mái là 1,5m. 03 hệ thống xử lý khí thải tương ứng với 03 boot sơn tự động còn lại sẽ được thoát chung ra ngoài môi trường thông qua 1 ống thải kích thước D800, chiều cao 12m.

Theo khuyến cáo của nhà sản xuất, tần suất thay than hoạt tính tại Cơ sở là 3 tháng/lần với khối lượng than hoạt tính mỗi lần thay là khoảng 200kg.

Cấu tạo của các hệ thống xử lý khí thải của các dây chuyền sơn như sau:

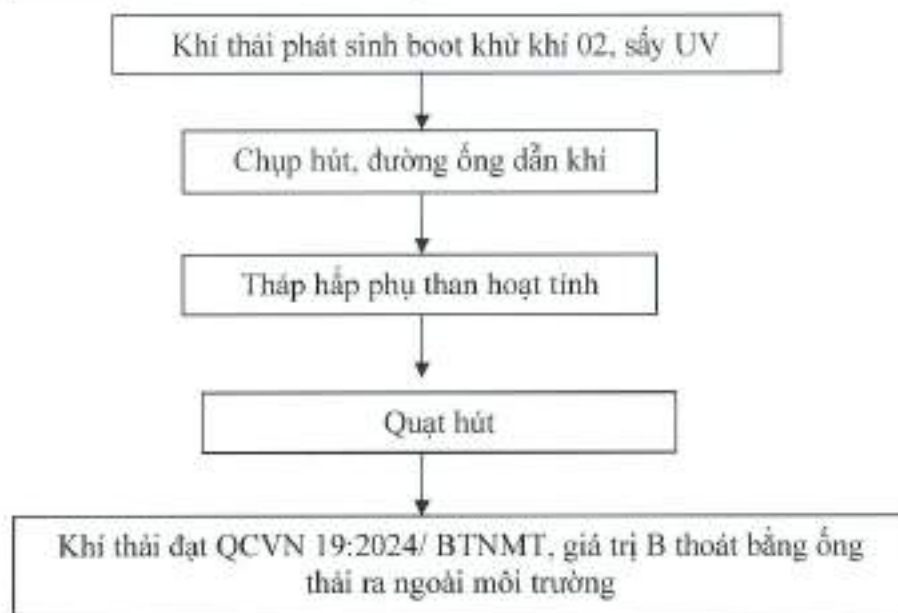
Bảng 11: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải các boot sơn

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Chụp hút tại các buồng sơn	- Đường ống miệng hút D500mm; - Vật liệu: Tôn mạ kẽm. Độ dày 0.75mm	Việt Nam/TH	Bộ	05

2	Đường ống thu gom	- Đường ống chính D650mm + Boot sơn lót: 13m + Booth 1: 38m + Booth 2: 32m + Booth 3: 15 m Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Độ dày 0.75mm	Việt Nam/TĐ	Hệ	01
3	Tháp nước hệ thống XLKT 3-1, 3-2, 3-3	- Kích thước DxRxC= 4m*1m*2.5m - Vật liệu: Inox	Việt Nam/TĐ	Bộ	03
4	Tháp nước hệ thống XLKT 1	- Kích thước DxRxC 2m*1m*2.5m - Vật liệu: Inox	Việt Nam/TĐ	Bộ	01
5	Bơm tuần hoàn	Công suất: 11kw/h Lưu lượng: 30m ³ /h	Việt Nam/TĐ	Bộ	02
6	Bể tuần hoàn nước dập bụi sơn	Kích thước: DxRxC: 3*4,5*2m. - Tuyến đường ống cấp nước tuần hoàn vào tháp nước D120 – Chiều dài 35m. - Tuyến đường ống thu gom nước thải từ tháp nước: Máng thu gom 20x50mm, chiều dài 35m.	Bể ngầm	Bể	01
7	Tháp hấp phụ than hoạt tính	- Kích thước DxRxC= 2,4x2.2x2.8m - Bao gồm: 02 lớp Than hoạt tính dạng hạt, đóng thành túi 9kg/1túi - Khối lượng: 200 kg/1booth - Phụ kiện lắp đặt, cửa thăm thay thế than hoạt tính, khung giá đỡ. - Vật liệu: Thép sơn phủ chống gỉ	Việt Nam/TĐ	Bộ	04
8	Quạt ly tâm	Động cơ: 22kw/380v Lưu lượng: 18.000m ³ /h Áp suất: 1.400 - 1.200 Pa Truyền động gián tiếp Vật liệu: Thép	Việt Nam/TĐ	Hệ	4
9	Ống thải hệ thống XLKT 3-1, 3-2, 3-3	Đường kính: D1000 Chiều dài: 12 m Vật liệu: Thép dày 4mm sơn chống rỉ	Việt Nam/TĐ	Bộ	01
10	Ống thải hệ thống XLKT 1	Đường kính: D650 Chiều dài vượt mái: 1,5m Vật liệu: Tôn mạ kẽm	Việt Nam/TĐ	Bộ	01
11	Sàn thao tác lấy mẫu	Vật liệu thép sơn chống gỉ, gia công chế tạo phù hợp với vị trí lắp đặt	Việt Nam/TĐ	Cái	2

12	Tủ điện điều khiển	Hoạt động theo 2 chế độ tự động và bằng tay (Bao gồm biến tần điều chỉnh tần số quạt)	Việt Nam/TĐ	Bộ	2
----	--------------------	---	-------------	----	---

❖ **Hệ thống XLKT từ boot khử khí và sấy UV**



Hình 7: Sơ đồ quy trình xử lý khí thải tại boot khử khí 02 và sấy UV

Thuyết minh quy trình xử lý:

Khí phát sinh từ quá trình phun khử khí 02 và sấy UV được thu về hệ thống xử lý khí thải được tích hợp cùng dây chuyền phun sơn nhờ các họng hút ngay phía trên buồng khử khí, sấy và thu gom bằng hệ thống đường ống thu gom khí thải.

Khí thải tiếp tục đi qua ống dẫn khí về tháp hấp phụ than hoạt tính. Toàn bộ khí thải sau khi qua buồng than hoạt tính được quạt hút đẩy khí sạch ra ngoài môi trường qua ống thoát khí (ống thải có kích thước D650, chiều cao vượt mái là 1,5m).

Theo khuyến cáo của nhà sản xuất, tần suất thay than hoạt tính tại Cơ sở là 3 tháng/lần với khối lượng than hoạt tính mỗi lần thay là khoảng 200kg.

Cấu tạo của các hệ thống xử lý khí thải của các dây chuyền sơn như sau:

Bảng 12: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải các boot sơn

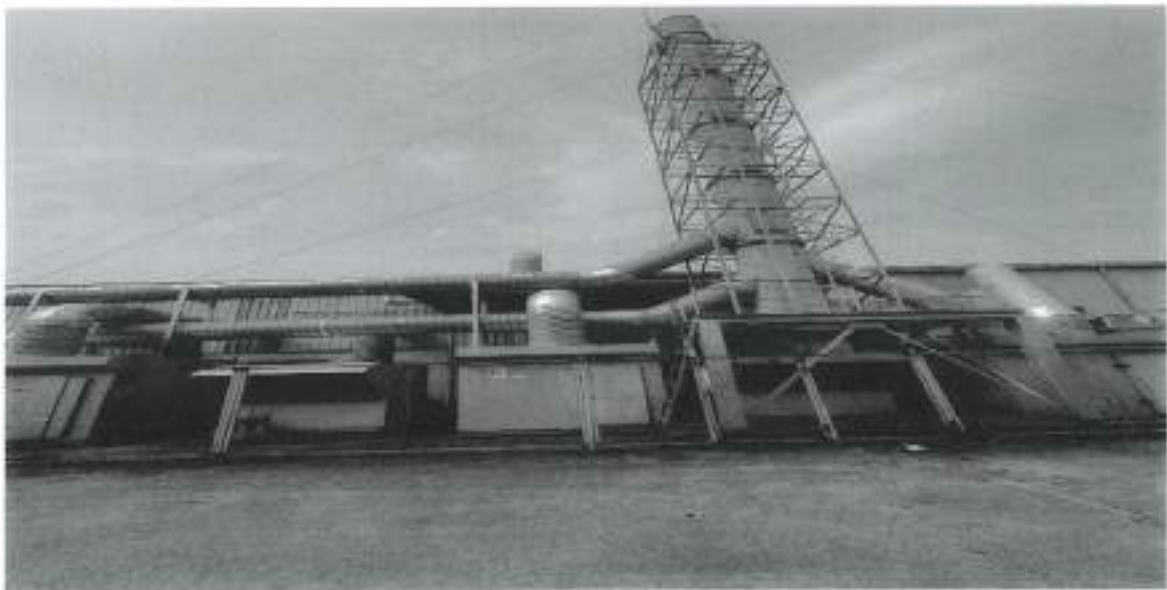
TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Chụp hút tại các buồng sơn	- Đường ống miệng hút D500mm; - Vật liệu: Tôn mạ kẽm. Độ dày 0.75mm	Việt Nam/TĐ	Bộ	02
2	Đường ống thu gom	- Đường ống chính D650mm, chiều dài 12m. Vật liệu: Tôn mạ kẽm. Độ dày 0.75mm	Việt Nam/TĐ	Hệ	01

3	Tháp hấp phụ than hoạt tính	- Kích thước DxRxC= 2,4x2,2x2,8m - Bao gồm: 02 lớp Than hoạt tính dạng hạt, đóng thành túi 9kg/túi - Khối lượng: 200 kg/1booth - Phụ kiện lắp đặt, cửa thăm thay thế than hoạt tính, khung giá đỡ. - Vật liệu: Thép sơn phủ chống gỉ	Việt Nam/Đ	Bộ	01
4	Quạt ly tâm	Động cơ: 22kw/380v Lưu lượng: 18.000m ³ /h Áp suất: 1.400 - 1.200 Pa Truyền động gián tiếp Vật liệu: Thép	Việt Nam/Đ	Hệ	1
5	Ống thải hệ thống XLKT 2	Đường kính: D650 Chiều dài vượt mái: 1,5m Vật liệu: Tôn mạ kẽm	Việt Nam/Đ	Bộ	01
6	Sàn thao tác lấy mẫu	Vật liệu thép sơn chống gỉ, gia công chế tạo phù hợp với vị trí lắp đặt	Việt Nam/Đ	Cái	1
7	Tủ điện điều khiển	Hoạt động theo 2 chế độ tự động và bằng tay (Bao gồm biến tần điều chỉnh tần số quạt)	Việt Nam/Đ	Bộ	1

Bảng 13: Định mức tiêu hao hoá chất, vật liệu lọc dự kiến

TT	Hoá chất	Mục đích	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Than hoạt tính	Vật liệu hấp phụ	Kg/lần/tháp xử lý	200	Việt Nam
2	Hóa chất khử mùi	Khử mùi bể tuần hoàn nước thải đập bụi sơn	Kg/ngày	1,15	Việt Nam
3	Hóa chất kết tủa vẩn sơn, cặn sơn	Thu gom vẩn sơn, cặn sơn	Kg/ngày	6,4	Việt Nam





Các hệ thống XLKT số 3-1, 3-2, 3-3 thoát chung 01 ống thải



Khu vực bể tuần hoàn nước dập bụi sơn

Hình 8: Các hệ thống XLKT tại Nhà máy

b. Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất khác

❖ **Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng:**

Để chủ động trong quá trình hoạt động cũng như công tác PCCC, Công ty đã trang bị máy phát điện sử dụng nhiên liệu là dầu DO, phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.

Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi mất điện và sử dụng nhiên liệu là dầu DO nên vấn đề ô nhiễm không khí từ nguồn phát sinh này không đáng lo ngại. Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động do hoạt động của máy phát điện, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Máy phát điện được đặt ở khu riêng, cao, rộng, kín và được đặt ở địa điểm có khoảng cách hợp lý với khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.

- Đảm bảo luôn sử dụng nhiên sạch trong mọi trường hợp.

Ngoài ra, Nhà máy chỉ sử dụng máy phát điện trong các trường hợp cần thiết và nhiên liệu sử dụng phải đạt tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện để kịp thời sửa chữa khi có hỏng hóc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đối với nguồn thải từ máy phát điện dự phòng sẽ không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

❖ ***Đối với bụi và khí thải từ phương tiện giao thông:***

- Tiến hành đăng kiểm và bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện định kỳ theo đúng quy định;

- Xe chuyên trở nguyên, vật liệu đúng tải trọng và chạy đúng tốc độ cho phép để tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường;

- Thường xuyên dọn vệ sinh và phun nước tưới ẩm khu vực công cộng, tuyến đường nội bộ của Nhà máy để giảm lượng bụi phát tán vào không khí, đặc biệt vào những ngày thời tiết khô hanh.

4.3. Phương án thu gom, xử lý CTR

a. Công tác thu gom, lưu giữ:

Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp lưu giữ đối với CTRTT cụ thể như sau:

- Đối với CTRSH sẽ được thu gom tại nguồn gồm khu vực văn phòng bằng các thùng rác 20l và đối khu vực nhà bếp và phòng ăn là thùng rác PVC dung tích 1000l có nắp đậy.

- Đối với CTCNTT phát sinh từ quá trình sản xuất sẽ được phân loại từng loại gồm phế liệu và chất thải cần xử lý tại nguồn. Cuối mỗi ngày, công nhân sẽ thu gom toàn bộ CTRTT phát sinh về kho lưu giữ diện tích 10 m². Trong kho lưu giữ bố trí các khoang lưu giữ theo từng loại chất thải.

- Đối với bùn thải từ bể phốt, tạm thời lưu giữ trong bể và định kỳ đơn vị có chức năng sẽ đến hút đi.

Kho lưu giữ CTRTT được bố trí được bố trí trong nhà xưởng. Khu vực kho chứa được trang bị bình bọt chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 3-7 ngày/lần (tùy vào lượng chất thải phát sinh).

b. Công tác chuyển giao:

Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải như sau:

+ Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh là đơn vị thu gom xử lý CTRSH, CTCNTT cần xử lý.

(Hợp đồng chuyển giao chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo).

4.3. Phương án thu gom, xử lý CTNH

a. Công tác lưu giữ:

Nhà máy sẽ bố trí 01 khu lưu giữ CTNH diện tích 10 m². Các CTNH phát sinh được phân loại và thu gom vào các thùng chứa có nắp riêng biệt đặt tại từng khu vực phát sinh. Sau đó, CTNH được chuyển về lưu giữ tại kho.

Tại kho lưu giữ, CTNH được lưu giữ trong các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy và được dán dấu hiệu cảnh báo theo quy định tại TCVN 6707:2009. Thiết bị lưu chứa CTNH tại Cơ sở gồm có thùng nhựa PVC dung tích 120L.

Kho chứa nằm trong nhà xưởng, được ngăn cách với các khu vực khác bằng vật liệu nhẹ, các loại CTNH dạng lỏng sẽ được lưu giữ trong các khay nhằm chống tràn đổ CTNH. Khu vực kho CTNH cũng được trang bị bình bột chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và trang bị cát khô, xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH.

- Quy trình vận hành: CTNH phát sinh từ hoạt động văn phòng và hoạt động sản xuất của Nhà máy sẽ được thu gom và lưu giữ riêng theo từng loại chất thải nguy hại trong các kho chứa CTNH.

b. Công tác chuyển giao:

Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh là đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh tại Nhà máy *(Các hợp đồng vận chuyển, chuyển giao xử lý chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo).*

Các trang thiết bị và công trình kho lưu giữ chất thải đã được xây dựng hiện nay tiếp tục được sử dụng. Để đảm bảo thu gom triệt để các loại chất thải phát sinh, không gây tổn động làm mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường trong khu vực Nhà máy, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí thêm các thùng rác đựng CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTNH tại các khu vực phát sinh.

- Tiếp tục ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

- Tùy tình hình phát sinh chất thải, Công ty yêu cầu các đơn vị có chức năng đã được Công ty ký hợp đồng tăng cường tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý để giảm thiểu lượng CTR thải tồn đọng tại kho lâu ngày.

4.4. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó các sự cố

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khí thải

Đối với các công trình xử lý khí thải Công ty sẽ chú trọng trong việc quản lý, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra bằng các biện pháp:

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành, bảo dưỡng định kỳ được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải của Cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Trường hợp xảy ra sự cố: tiến hành tạm dừng hoạt động khu vực phát sinh khí thải được xử lý tại hệ thống, khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra môi trường.

Đối với hệ thống xử lý khí thải định kỳ kiểm tra, phân tích chỉ số Iodine trong than hoạt tính để xác định thời điểm thay thế than hoạt tính, bảo đảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải.

Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý khí thải. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý khí thải.

Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý khí thải và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

Khi có sự cố: thực hiện vận hành thay thế bằng thiết bị dự phòng và tiến hành khắc phục sự cố.

Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

- Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho trưởng phòng quản lý môi trường để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

- Trong trường hợp đã thực hiện theo hướng dẫn của trưởng phòng quản lý môi trường, mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

Trường hợp không khắc phục được sự cố, Công ty sẽ dừng toàn bộ các hoạt động sản xuất liên quan đến hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, đảm bảo không thoát khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố PCCC

Nhà xưởng cơ sở thuê lại đã thực hiện trang bị hệ thống PCCC theo Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và đã được Phòng CSPCCC và CNCH, Công an Hà Nội nghiệm thu tại Văn bản số 453/NT-PCCC ngày 12/6/2025.

❖ *Phương án phòng cháy, chữa cháy*

Để đảm bảo sản xuất an toàn và hiệu quả, Chủ cơ sở đã trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ hiện đại. Hàng năm tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân viên để đảm bảo ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, Chủ cơ sở đã phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương lên các phương án phòng cháy, chữa cháy như sau:

- Biện pháp chung:

+ Nghiêm cấm công nhân không được hút thuốc hay mang chất gây cháy vào khu vực sản xuất, kho nguyên liệu.

+ Nguyên liệu và sản phẩm được sắp xếp gọn gàng, xa khu vực có nguồn điện

+ Nhiệt độ trong các xưởng sản xuất và kho duy trì đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quyết định 3733/2002/QĐ-BYT.

+ Đường giao thông nội bộ rộng 5 -7m chạy xung quanh các xưởng để đảm bảo đủ diện tích cho các phương tiện cứu hỏa ra vào khi có hỏa hoạn.

+ Xây dựng hệ thống thoát nạn khi có sự cố cháy xảy ra như: Bố trí các lối thoát hiểm là các cửa ra vào to rộng, có đèn chiếu sáng, đèn báo.

+ Thiết kế hệ thống chống sét nổi đất là các kim thép mạ đồng chống rỉ cho nhà xưởng và nhà ăn.

+ Hàng năm Công ty lập kế hoạch thực hiện phương án PCCC và cử các cán bộ, công nhân viên tham gia huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định và thực hiện diễn tập PCCC và thoát hiểm thoát nạn 1 lần/năm.

- Biện pháp chữa cháy:

+ Khi phát hiện có sự cố cháy nổ báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

+ Cắt điện toàn bộ nhà máy.

+ Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.

- Lực lượng chữa cháy tại cơ sở:

+ Ban chỉ huy chữa cháy bao gồm: Lãnh đạo, Trưởng phòng hành chính nhân sự, Đội trưởng đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở, trưởng các bộ phận, cán bộ phụ trách an toàn phòng cháy, chữa cháy.

+ Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở gồm: 30 thành viên hàng năm đều được tập huấn nghiệp vụ PCCC.

Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Công nhân, nhân viên được tập huấn về cách vận hành máy móc và an toàn lao động.

- Công nhân, nhân viên được trang bị quần áo bảo hộ lao động và các thiết bị cần thiết đảm bảo an toàn lao động trong quá trình làm việc.

- Có biển báo hiệu cần thiết phục vụ an toàn lao động và giao thông.

- Có chế độ đãi ngộ, bảo hiểm, thăm hỏi cho công nhân, nhân viên nếu gặp các tai nạn đáng tiếc xảy ra.

Hệ thống máy móc bị hỏng, chập cháy hoặc không đảm bảo với điều kiện an toàn lao động.

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thường xuyên.
- Trong trường hợp các trang thiết bị trong hệ thống vận hành bị hỏng hóc trên 01 ngày và chưa sửa chữa kịp thời thì công ty sẽ tạm ngừng hoạt động khu vực xảy ra sự cố đến khi khắc phục được tình trạng mới tiếp tục.

Sự cố ô nhiễm môi trường, chập cháy nổ, thời tiết cực đoan do nguyên nhân khách quan

- Tạm dừng mọi hoạt động của khu nhà văn phòng và nhà xưởng.
- Khi điều kiện đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường lao động sẽ tiếp tục hoạt động.
- Có biện pháp hướng dẫn, sơ tán kịp thời cho công nhân, nhân viên nếu có các hiện tượng tiêu cực nguy hiểm từ thời tiết hay có sự ô nhiễm môi trường đáng tiếc xảy ra.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH HTSS Việt Nam cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường như sau:

a. Thực hiện đúng theo quy định về Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

b. Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (QCVN) theo quy định hiện hành. Cụ thể là:

- Tiếng ồn trong quá trình vận hành Cơ sở phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2025/BNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường)

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành được thu gom và xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Quang Minh, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn đầu nối của KCN Quang Minh.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn, in được thu gom và xử lý đạt cột B, QCVN 19:2024/BNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

c. Chịu trách nhiệm thực hiện và áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đi vào hoạt động của nhà máy, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-

BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở “Nhà máy gia công sơn, in các linh kiện cho ô tô, xe máy, điện tử, đồ gia dụng”./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM



**GIÁM ĐỐC
TRẦN THU THỦY**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0110293694

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 03 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 30 tháng 05 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTSS VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HTSS VIET NAM CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 49G Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3599 0088

Fax:

Email: htss_spray@htss.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HTMP VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0100989524

Ngày cấp: 11/05/2009 Nơi cấp: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: *Lô 38-2 Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HẢO

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 01/08/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024075000100

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P1806, Tòa B chung cư CT1 - CT2, đường Dương Đình Nghệ,
Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P1806, Tòa B chung cư CT1 - CT2, đường Dương Đình Nghệ,
Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: TRẦN THU THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/02/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001179026059

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH 2204, Tòa nhà Star Tower, ô đất D32, Đường Dương Đình
Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH 2204, Tòa nhà Star Tower, ô đất D32, Đường Dương Đình Nghệ,
Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Huy Tâm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG

Số 01-2023/NGG7-HTSS

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;
- Căn cứ nhu cầu cho thuê và thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Ngân Giang Thiết bị điện G7 và Công ty TNHH HTSS Việt Nam.

Hôm nay ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Hà Nội. Chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN CHO THUÊ): CÔNG TY TNHH NGÂN GIANG THIẾT BỊ ĐIỆN G7

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội
Người đại diện: **Ông Phí Văn Hoan** Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại: 0983286858
Tài khoản: 110002886375 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Hà Thành
Mã số thuế: 2500234955

BÊN B (BÊN THUÊ) : CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội
Người đại diện: **Ông Nguyễn Văn Hào** Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại: 024.35990088
Tài khoản: 1036437071 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long
Mã số thuế: 0110293694

Chúng tôi tự nguyện cùng nhau lập và ký kết hợp đồng thuê và cho thuê nhà xưởng với những điều khoản đã được hai bên bàn bạc và thống nhất như sau.

Điều 1. Nội dung thuê

- Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê nhà xưởng thuộc sở hữu của Bên A tại Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.
- Mặt bằng nhà xưởng cho thuê theo Sơ đồ và Biên bản bàn giao mặt bằng kèm theo Hợp đồng này. Sơ đồ và Biên bản bàn giao mặt bằng và tài sản là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.
- Mục đích sử dụng: Bên B sử dụng để làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất

Điều 2. Thời gian và tiền thuê

Nội dung	Diện tích (m2)	Đơn giá chưa có VAT (USD/m2/tháng)	Thành tiền (USD/tháng)
1. Nhà xưởng	2.300	2.80	6,440.00
2. Nhà để xe	372	2.00	744.00
3. Sân bãi	448	1.80	806.40
Cộng			7,990.40

- Giá trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT, phí quản lý hạ tầng, phí thu gom và xử lý nước thải, tiền điện, nước, điện thoại, internet và các dịch vụ khác mà Bên B sử dụng.
- Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.
- Thời hạn của hợp đồng là 36 tháng (từ 01/5/2023 đến hết 30/4/2026); nếu đến 31/01/2026 Hai bên không có thỏa thuận chấm dứt thì hợp đồng tự động được gia hạn thêm 24 tháng.
- Giá thuê sẽ được giữ ổn định trong 36 tháng (đến hết 30/4/2026) sau đó sẽ điều chỉnh theo giá thị trường nhưng tăng, giảm không quá 10%.
- Tiền điện: Hằng tháng, Bên B thanh toán theo số lượng thực tế tiêu thụ ghi trên thiết bị đo đếm, theo giá của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; ngoài ra, hằng tháng Bên B trả cho Bên A 10% tổng tiền điện tiêu thụ để phục vụ duy tu bảo dưỡng khắc phục sự cố trạm biến áp và 10% để khấu hao đường dây và trạm của Bên A.
- Các dịch vụ khác (Nước sạch, nước thải, điện thoại, internet, vệ sinh...) Bên B trực tiếp ký hợp đồng và thanh toán với các nhà cung cấp dịch vụ.

Điều 3. Phương thức thanh toán:

- Bên B đặt cọc cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, số tiền tương đương với 03 tháng tiền thuê cho suốt thời hạn của Hợp đồng. Tiền đặt cọc sẽ được hoàn trả cho bên B khi hết hạn Hợp đồng sau khi trừ đi các khoản phải bồi thường (nếu có) của Bên B.
- Tiền thuê được thanh toán 04 kỳ/năm, tương đương 03 tháng mỗi kỳ thanh toán, chậm nhất trước 15 ngày của kỳ thuê đó, sau khi bên B nhận được hóa đơn tài chính của bên A. Nếu thời gian thanh toán trùng vào ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, tết thì ngày thanh toán sẽ được lùi lại tương ứng với thời gian nghỉ đó. (Riêng kỳ thanh toán đầu tiên Bên B sẽ thanh toán cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng)
- Bên B thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A. Chi phí chuyển tiền do Bên B chịu.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của hai bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Bảo đảm Bên B được quyền sử dụng trọn vẹn và độc lập phần diện tích thuê.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân viên và khách hàng của Bên B ra vào làm việc.
- Chi trả mọi chi phí liên quan đến việc di chuyển sang địa điểm mới của bên B, nếu do lỗi của bên A mà phải chấm dứt hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm sửa chữa nhà xưởng bị hỏng hóc nếu không phải lỗi của bên B. Nếu không sửa chữa kịp thời dẫn đến tổn thất lớn của bên B thì mọi chi phí phát sinh bên A sẽ phải chịu.
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên B có một trong các hành vi sau:
 - + Không thanh toán tiền thuê đúng thời hạn như đã thống nhất trong Hợp đồng.
 - + Sử dụng nhà xưởng sai mục đích đã thỏa thuận với Bên A hoặc hoạt động kinh doanh trái Pháp luật.
- Về PCCC, Bên A cam kết:
 - + Đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy ngoài nhà xưởng.
 - + Đầu tư hệ thống cứu hỏa bên ngoài nhà xưởng gồm: Hồ chứa, bể chứa; trạm bơm; đường ống; trụ cứu hỏa; cuộn ống nước, vòi xịt.
 - + Lập đội PCCC chung cho toàn nhà máy có người của Bên B tham gia được tập huấn, diễn tập định kỳ, sẵn sàng chữa cháy khi sự cố xảy ra.
 - + Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn hệ thống điện bên ngoài nhà xưởng.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Sử dụng diện tích thuê đúng với mục đích đã ghi trong Hợp đồng này. Không được phép sang nhượng hay cho thuê lại nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- Khi kết thúc Hợp đồng, Bên B phải bàn giao lại nguyên trạng nhà xưởng, kho bãi như đã được bàn giao ban đầu. Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo giá trị thực tế và quy định của Pháp luật nếu làm hỏng hóc nhà xưởng, kho bãi, trang thiết bị (nếu có).
- Bên B sẽ tự chịu trách nhiệm về mọi hư hỏng phát sinh tại khu vực nhà xưởng, kho bãi trong thời gian sử dụng; trừ các hư hỏng về tuổi thọ, kết cấu, Bên B sẽ thông báo kịp thời cho Bên A để Bên A kịp thời sửa chữa.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về trật tự trị an, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy,... theo quy định của Pháp luật. Bên B sẽ phải bồi thường ngang giá giá trị thiệt hại cho các bên có liên quan khi để xảy ra trộm cắp, cháy nổ trong khu vực nhà máy của bên A.
- Có trách nhiệm tuân thủ Luật Môi trường, giải quyết các vấn đề về môi trường trong quá trình sản xuất. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về bất kỳ vi phạm môi trường nào do Bên B gây ra.
- Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình theo đúng pháp luật hiện hành.



- Có trách nhiệm thanh toán tiền thuê cho Bên A đúng thời hạn và theo đúng phương thức thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Trường hợp thanh toán chậm sẽ phải trả thêm một khoản lãi phạt chậm thanh toán bằng 0,05%/ngày chậm trả tính trên tổng số tiền chậm trả, tuy nhiên không được chậm quá 30 ngày.
- Được quyền lắp đặt các trang thiết bị phù hợp với nhu cầu sử dụng và được quyền tháo dỡ khi kết thúc Hợp đồng thuê. Trong trường hợp các trang thiết bị sử dụng có ảnh hưởng đến môi trường, phải có sự đồng ý của Bên A và các cơ quan chức năng.
- Về đảm bảo an toàn PCCC, Bên B cam kết:
 - + Đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy trong nhà xưởng.
 - + Lập đội PCCC cơ sở. Tham gia tập huấn, diễn tập định kỳ, sẵn sàng chữa cháy khi sự cố xảy ra.
 - + Cử người tham gia lớp học do cảnh sát PCCC hướng dẫn tập huấn về công tác PCCC theo qui định của pháp luật.
 - + Tăng cường chế độ tự kiểm tra an toàn PCCC trong phạm vi quản lý của đơn vị mình để phát hiện và xử lý kịp thời những tồn tại liên quan đến an toàn PCCC.
 - + Quản lý chặt chẽ nguồn lửa, nguồn nhiệt trong phạm vi quản lý của đơn vị mình; sắp xếp vật dụng dễ cháy cách xa nguồn nhiệt (hoặc nơi có khả năng phát sinh nguồn nhiệt); kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện đang sử dụng, ngắt cầu dao (attomat) các khu vực không sử dụng và khi hết giờ làm việc.
 - + Thường xuyên kiểm tra và đảm bảo chất lượng hoạt động của các trang thiết bị, phương tiện PCCC; đồng thời sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời các thiết bị PCCC bảo hỏng, bảo lỗi không vận hành sử dụng được.
 - + Duy trì đường, lối thoát nạn trong cơ sở thông thoáng; đảm bảo các thiết bị phục vụ cho người di chuyển thoát nạn hoạt động tốt; bố trí sắp xếp các phương tiện, vật dụng, hàng hóa không gây cản trở cho việc thoát hiểm và khả năng tiếp cận của xe chữa cháy.
 - + Bố trí lực lượng PCCC tại chỗ, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người trong công tác tuần tra, kiểm tra và xử lý nếu có cháy nổ xảy ra; tham gia diễn tập các phương án chữa cháy giả định để trau dồi kiến thức, kỹ năng ứng phó trong thực tế khi có cháy.
 - + Chịu trách nhiệm trước pháp luật, bồi thường ngang giá giá trị thiệt hại cho các bên liên quan nếu để xảy ra cháy nổ.

Điều 5. Thay đổi, chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng thuê nhà xưởng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Thời hạn thuê nhà xưởng hết.
- Các bên cùng thỏa thuận việc chấm dứt Hợp đồng.

2. Chấm dứt Hợp đồng trước hạn:

Bên nào muốn chấm dứt Hợp đồng trước hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước ba (03) tháng để thỏa thuận thanh lý Hợp đồng.

Điều 6. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng. Mọi sửa đổi bổ sung của Hợp đồng này phải được hai bên thoả thuận và nhất trí bằng văn bản. Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và đền bù thiệt hại gây ra cho bên kia.
- Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản, mỗi bên giữ một (01) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

CÔNG TY TNHH NGÂN GIANG



GIÁM ĐỐC

Phí Văn Hoan

CÔNG TY TNHH HTSS



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hào



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

売買契約書

Số/No: 01-2023 /ALM-HTSS

- Căn cứ vào bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;
- 国会の 2015 年 11 月 24 日付民法第 91/2015/ QH13 号に基づき
- 2005 年 6 月 14 日にベトナム社会主義共和国国会によって公布された商法第 36/2005/QH 11 号に基づき
- 両当事者の能力及びニーズに基づき

Hôm nay, ngày 10 tháng 04 năm 2023, chúng tôi gồm có:

本日、2023 年 4 月 10 日、我々は

BÊN BÁN (売り手) : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HỖ TRỢ HẬU CẦN KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT ATTACK VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế: 0106108966

Số giấy phép Đầu tư: 012043000472

Ngày cấp: 28 tháng 01 năm 2013, thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 10 năm 2022.

Nơi cấp: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội .

Điện thoại: +84 (0) 2435251858

Fax: +84 (0) 243 525 1696

Người đại diện: Ông AKIHIRO TSUKAMOTO

Chức vụ: C.E.O

BÊN MUA (買い手) : CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0110293694

Ngày cấp : 22 tháng 03 năm 2023

Nơi cấp : Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội .

Điện thoại/Tel: +84 (0)24 35990077/35990088

Fax: +84 (0) 24 35990066

Người đại diện: Ông NGUYỄN VĂN HẢO

Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, Bên Bán đồng ý bán và bên Mua đồng ý mua hàng hóa, hai bên tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán này với các điều khoản và điều kiện sau:

協議の上、両側は商品の売買に合意 以下の条件で売買契約の締結を行います。

ĐIỀU 1. HÀNG HÓA, SỐ LƯỢNG, GIÁ CẢ, QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG.

1.1. Hàng hóa: Chi tiết theo Phụ lục I ; Phụ lục II và Phụ lục III đính kèm hợp đồng này.

1.2. Giá cả: Bên Mua đồng ý mua và bên Bán đồng ý bán hàng hóa này với trị giá 4.007.385.000 VND

Bằng chữ: Bốn tỷ bảy triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng, chưa bao gồm VAT.

(Chi tiết trong các phụ lục đính kèm)

1.3. Quy cách, chất lượng: phù hợp theo quy cách chất lượng và thông số kỹ thuật của nhà sản xuất.

第1条: 商品・数量・価格・仕様・品質

1.1. 商品: 詳細は本契約書に添付する付録書 I・付録書 II・付録書 III による。

1.2. 価格: 売り手及び買い手はこの商品を 4.007.385.000 VND (40 億 738 万 5 千 VND) で売買することを合意した。この価格に VAT は含まれていません。詳細は本契約の付録書による (171.000 USD, tỉ giá: 23.435)

1.3. 仕様・品質保証: 製造メーカーの品質・仕様に適合する。

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC VÀ TIỀN ĐỘ THANH TOÁN

2.1 Đồng tiền thanh toán: VND

2.2 Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

2.3 Bên Mua thanh toán cho bên Bán theo thông tin tài khoản dưới đây:

- Số tài khoản: 21410002002374

- Tên tài khoản: Cty TNHH MTV hỗ trợ hậu cần KT và sản xuất ATTACK Việt Nam

- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đông Hà Nội

第2条: 支払い

2.1 支払い通貨: VND

2.2 支払い方法: 銀行振込み

2.3 買い手は、下記の売り手の口座に支払います。

- 口座番号: 21410002002374

- 口座名: Cty TNHH MTV hỗ trợ hậu cần KT và sản xuất ATTACK Việt Nam.

- 銀行名: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đông Hà Nội.

2.4 Tiến độ thanh toán:

- Thanh toán lần 1: Bên Mua tạm ứng cho bên Bán 700.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng) giá trị hợp đồng trong vòng 3 ngày kể từ ngày hai bên thực hiện ký kết hợp đồng này.

- Thanh toán lần 2: Bên Mua tạm ứng cho bên Bán 200.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng) giá trị hợp đồng vào ngày 26/04/2023.

- Thanh toán lần 3: Bên Mua thanh toán cho bên Bán 3.107.385.000 VND (Bằng chữ: Ba tỷ một trăm lẻ bảy triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) giá trị còn lại của hàng hóa trong vòng 40 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Đồng thời bên Bán bàn giao đầy đủ hàng hóa và bên Mua nhận được từ bên Bán đầy đủ chứng từ thanh toán quy định trong khoản 2.5 của điều này.

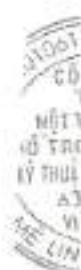
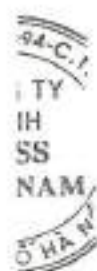
2.4 支払いスケジュール:

- 1 回目の支払い: 両当事者はこの契約書に署名した日より 3 日間内で、買い手は売り手に 700.000.000 VND (7 億 VND) を払います。

- 2 回の支払い: 2023 年 4 月 26 日、買い手は売り手に 200.000.000 VND の前払いをした。

- 3 回目の支払い:

両当事者はこの契約書に署名する日から 40 日間内、買い手は売り手に残り金額である 3.107.385.000 VND (31 億 738 万 5 千 VND) を払う。と共に売り手は買い手に商品の引き渡しを完了し、2.5 の項目に記載している請求書類を確実に提供すること。



- 2.5 Hồ sơ thanh toán
- Hợp đồng và phụ lục đính kèm.
 - Hóa đơn VAT

- 2.5 請求書類
- 売買契約書・付録書
 - VAT インボイス

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG

- 3.1. Thời gian bàn giao: Sau khi bên Mua thanh toán xong lần 3 cho bên Bán và kể từ thời điểm này quyền sở hữu hàng hóa theo Phụ lục I đính kèm sẽ thuộc về bên Mua là công ty TNHH HTSS VIỆT NAM.
- 3.2. Địa điểm bàn giao: Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

第3条. 納品

- 3.1. 納期: 3 回目の支払い完了した時点で納品を行う。同時に付録書 I による物品の所有権は TNHH HTSS VIỆT NAM である買い手に移転する。
- 3.2. 納品先は Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam である。

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

- 4.1. Trách nhiệm bên Bán.
- Giao hàng và cung cấp đầy đủ chứng từ cho bên Mua theo đúng thời gian đã thỏa thuận.
- 4.2. Trách nhiệm bên Mua
- Bên Mua có trách nhiệm nhận hàng và thanh toán đầy đủ, đúng theo thời gian 2 bên đã thỏa thuận.

第4条. 両当事者の責任

- 4.1. 売り手の責任
- 合意された時間通りに商品を手配、充実な請求書類を買い手に提供する。
- 4.2. 買い手の責任
- 買い手は、両当事者が合意した時間通りに商品を受け取り、全額を支払う。

ĐIỀU 5. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 5.1. Hợp đồng nguyên tắc này sẽ được điều chỉnh theo luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 5.2. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán này, sẽ được 2 bên thông tin cho nhau bằng văn bản và cố gắng giải quyết tranh chấp đó bằng thương lượng trong vòng 30 ngày. Quá thời gian này mà tranh chấp chưa được giải quyết thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền.

第5条. 準拠法および紛争解決

- 5.1. この基本契約は、ベトナム社会主義共和国の法律に準拠するものとする。

5.2. この売買契約の履行中に生じた紛争は、両当事者によって書面で相互に伝えられ、30 日以内に交渉によって紛争を解決する。この期間を過ぎても紛争が解決されない場合、管轄裁判所に持ち込み、解決するものとする。

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

6.1. Mọi sửa đổi bổ sung liên quan đến hợp đồng này phải được thành lập bằng văn bản có xác nhận của cả hai bên.

6.2. Hợp đồng này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Nhật song . Hợp đồng tiếng Việt được coi là bản gốc và làm căn cứ để hai bên tiến hành thực hiện các công việc theo Hợp đồng. Nếu có bất kỳ sự không thống nhất giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Nhật thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

6.3. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.

6.4. Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ hai (02) bản gốc.

第6条一般条項

6.1. 本契約の修正または追加は、両当事者の確認を得て書面で行う必要がある。

6.2. この契約書はベトナム語と日本語の併記で作成します。ベトナム語は正として優先に使う。

6.3. 本契約は署名日より効力を発する。

6.4. 本契約の成立を証するため本書を4部作成し、両側の記名・捺印のうえ、各自2部を保有する。

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
賣手の代表者
TỔNG GIÁM ĐỐC
Akhihiro Tsukamoto



ĐẠI DIỆN BÊN MUA
買手の代表者
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Bảo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ベトナム社会主義共和国

独立 - 自由 - 幸福

—o0o—

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

売買契約書

Số/No: 02-2023 /ALM-HTSS

- Căn cứ vào bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;
- 国会の 2015 年 11 月 24 日付民法第 91/2015/ QH13 号に基づき
- 2005 年 6 月 14 日にベトナム社会主義共和国国会によって公布された商法第 36/2005/QH 11 号に基づき
- 両当事者の能力及びニーズに基づき

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Chúng tôi gồm có:

本日、2023 年 4 月 28 日

我々は

BÊN BÁN (売り手) : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HỖ TRỢ HẠ CẦN KÝ VÀ SẢN XUẤT ATTACK VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0106108966

Số giấy phép Đầu tư: 012043000472

Ngày cấp: 28 tháng 01 năm 2013, thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 10 năm 2022.

Nơi cấp: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Điện thoại: +84 (0) 243 525 1858

Fax: +84 (0) 243 525 1696

Người đại diện: Ông AKIHIRO TSUKAMOTO

Chức vụ: C.E.O

BÊN MUA (買い手) : CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0110293694

Ngày cấp : 22 tháng 03 năm 2023

Nơi cấp : Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội .

Điện thoại/Tel: +84 (0)24 35990077/35990088

Fax: +84 (0) 24 35990066

Người đại diện: Ông NGUYỄN VĂN HẢO

Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, Bên Bán đồng ý bán và bên Mua đồng ý mua hàng hóa, hai bên tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán này với các điều khoản và điều kiện sau:

協議の上、両側は商品の売買に合意 以下の条件で売買契約の締結を行います。

ĐIỀU 1. HÀNG HÓA, SỐ LƯỢNG, GIÁ CẢ, QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG.

1.1. Hàng hóa và số lượng: Chi tiết theo phụ lục I đính kèm hợp đồng này.

1.2. Giá cả: Bên Mua đồng ý mua và bên Bán đồng ý bán hàng hóa này với trị giá 4.194.865.000 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ một trăm chín mươi tư triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) chưa bao gồm VAT.

1.3. Quy cách, chất lượng: phù hợp theo quy cách chất lượng và thông số kỹ thuật của nhà sản xuất.

第1条: 商品・数量・価格・仕様・品質

1.1. 1.1 貨物及び数量: 本契約書の添付する付録書による。

1.2. 価格: 売り手及び買い手はこの商品を 4.194.865.000 VND (41 億 94865 万 VND) で売買することを合意した。この金額に VAT は含まれていない。(179.000 USD, 為替: 23.435)

1.3. 仕様・品質保証: 製造メーカーの品質・仕様に適合する。

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC VÀ TIẾN ĐỘ THANH TOÁN

2.1 Đồng tiền thanh toán: VND

2.2 Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

2.3 Bên Mua thanh toán cho bên Bán theo thông tin tài khoản dưới đây:

- Số tài khoản: 21410002002374

- Tên tài khoản: CTY TNHH MTV hỗ trợ hậu cần KT và sản xuất ATTACK Việt Nam

- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đông Hà Nội

第2条: 支払い

2.1 支払い通貨: VND

2.2 支払い方法: 銀行振込み

2.3 買い手は、下記の売り手の口座に支払います。

- 口座番号: 21410002002374

- 口座名: Cty TNHH MTV hỗ trợ hậu cần KT và sản xuất ATTACK Việt Nam.

- 銀行名: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đông Hà Nội.

2.4 Tiến độ thanh toán:

- Bên Mua thanh toán cho bên Bán số tiền 4.194.865.000 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ một trăm chín mươi tư triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) trong vòng 40 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Đồng thời bên Bán bàn giao đầy đủ thiết bị và bên Mua nhận được từ bên Bán đầy đủ chứng từ thanh toán quy định trong khoản 2.5 của điều này.

2.4 支払いスケジュール:

両当事者はこの契約書に署名する日から 40 日以内、買い手は売り手に 4.194.865.000 VND (41 億 94865 万 VND) を払う。と共に売り手は買い手に商品の引き渡しを完了し、2.5 の項目に記載している請求書類を確実に提供すること。

2.5 Hồ sơ thanh toán

- Hợp đồng và phụ lục đính kèm.

- Hóa đơn VAT.

- Tờ khai chuyển đổi mục đích sử dụng thông quan.

Q293
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM
ĐẠI
BIỂU
THỜI
GIAN
HÀ NỘI

VIỆN
CÁN
M
QUAT
HÀ NỘI

2.5 請求書類

- 売買契約書・付録書
- VAT インボイス
- 設備塗装使用用途変更申請書（通関申請完了）

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG

3.1. Thời gian bàn giao: Sau khi bên Mua thanh toán xong cho bên Bán và kể từ thời điểm này quyền sở hữu 'Dây chuyền phun sơn các linh kiện điện thoại, điện thoại di động' sẽ thuộc về bên Mua là công ty TNHH HTSS VIỆT NAM.

3.2. Địa điểm bàn giao: Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

第3条. 納品

3.1. 納期：買い手は売り手に支払いを完了した時点で納品を行う、同時にこの商品の所有権は TNHH HTSS VIỆT NAM である買い手に移転する。

3.2. 納品先は Lô 49G, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam である。

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm bên Bán.

Giao hàng và cung cấp đầy đủ chứng từ cho bên Mua theo đúng thời gian đã thỏa thuận.

4.2. Trách nhiệm bên Mua

Bên Mua có trách nhiệm nhận hàng và thanh toán đầy đủ, đúng theo thời gian 2 bên đã thỏa thuận.

第4条. 両当事者の責任

4.1. 売り手の責任

合意された時間通りに商品を手配、充実な請求書類を買い手に提供する。

4.2. 買い手の責任

買い手は、両当事者が合意した時間通りに商品を受け取り、全額を支払う。

ĐIỀU 5. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

5.1. Hợp đồng nguyên tắc này sẽ được điều chỉnh theo luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

5.2. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán này, sẽ được 2 bên thông tin cho nhau bằng văn bản và cố gắng giải quyết tranh chấp đó bằng thương lượng trong vòng 30 ngày. Quá thời gian này mà tranh chấp chưa được giải quyết thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền.

第5条. 準拠法および紛争解決

5.1. この基本契約は、ベトナム社会主義共和国の法律に準拠するものとする。

5.2. この売買契約の履行中に生じた紛争は、両当事者によって書面で相互に伝えられ、30日以内に交渉によって紛争を解決する。この期間を過ぎても紛争が解決されない場合、管轄裁判所に持ち込み、解決するものとする。

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

6.1. Mọi sửa đổi bổ sung liên quan đến hợp đồng này phải được thành lập bằng văn bản có xác nhận của cả hai bên.

6.2. Hợp đồng này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Nhật song. Hợp đồng tiếng Việt được coi là bản gốc và làm căn cứ để hai bên tiến hành thực hiện các công việc theo Hợp đồng. Nếu có bất kỳ sự không thống nhất giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Nhật thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

6.3. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.

6.4. Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ hai (02) bản gốc.

第6条一般条項

6.1. 本契約の修正または追加は、両当事者の確認を得て書面で行う必要がある。

6.2. この契約書はベトナム語と日本語の併記で作成します。ベトナム語は正として、優先に使う。

6.3. 本契約は署名日より効力を発する。

6.4. 本契約の成立を証するため本書を 4 部作成され、両側の記名・捺印のうえ、各自 2 部を保有する。



TỔNG GIÁM ĐỐC

Akihiro Tsukamoto



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hòa



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 01221000480

Chứng nhận lần đầu: ngày 05 tháng 5 năm 2013

- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 527/ HD-TĐ ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Ngân Giang ngày 28 tháng 5 năm 2004 và Quyết định số 4161/QĐ-UB ngày 24 tháng 11 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc chấp thuận dự án đầu tư xây dựng Nhà máy đúc vật tư thiết bị điện của Công ty TNHH Ngân Giang thiết bị điện G7 tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh;
- Căn cứ Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ nộp kèm theo của Công ty TNHH Ngân Giang thiết bị điện G7 nộp ngày 05 tháng 5 năm 2013,

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận nhà đầu tư: Công ty TNHH Ngân Giang thiết bị điện G7

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công Nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

+ Điện thoại: 04.35147645

- Fax: 04.35147644

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số: 2500234955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 09/08/2004, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 13/05/2010.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Phí Văn Hoan;

+ Chức vụ: Giám đốc;

- + Sinh ngày: 13/11/1958;
- + Dân tộc: Kinh;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Chứng minh thư nhân dân số: 011708641 cấp ngày 15/06/1998 tại Hà Nội;

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A2 Tập thể Hồ Cá Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

- Chỗ ở hiện tại: A2 Tập thể Hồ Cá Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng nhà máy sản xuất thủy tinh cách điện tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Sản xuất phụ kiện cho đường dây cao thế, trung thế, hạ thế; Sản xuất vật tư thiết bị điện, cách điện; Công suất: 12.000 tấn/năm.

- Cho thuê nhà xưởng dự thừa.

Doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu dự án đã được phê duyệt; Đối với mục tiêu cho thuê nhà xưởng dự thừa: Doanh nghiệp chỉ được phép cho thuê một phần nhà xưởng dự thừa không sử dụng hết, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 49G, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 31.050 m².

Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với địa điểm và diện tích đất đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 95.000.000.000 đồng (Chín mươi lăm tỉ đồng).

Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án: 41.728.000.000 đồng (Bốn mươi một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu đồng); Tiền độ góp vốn: Đã góp đủ.

Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về các nguồn vốn đăng ký đầu tư thực hiện dự án.

Điều 5. Thời hạn thực hiện dự án: 49 năm, kể từ ngày 11/12/2003 (Theo hợp đồng thuê đất số 527/ HĐ-TD ngày 28 tháng 5 năm 2004 ký giữa Công ty TNHH Ngân Giang và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc).

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 12/2006.

Điều 7. Các ưu đãi đầu tư đối với dự án: Dự án được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư phải hoàn thành các thủ tục về thay đổi chủ đầu tư theo các quy định của Luật Đất đai và UBND thành phố Hà Nội; Đồng thời phải tự chịu trách

nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ đăng ký đầu tư, về diện tích đất và địa điểm thực hiện dự án;

b) Chủ đầu tư phải nộp tiền thuê đất và thực hiện các nghĩa vụ về thuế với cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật; Tuân thủ quy hoạch khu công nghiệp, trả tiền thuê sử dụng hạ tầng khu công nghiệp và phí quản lý khu công nghiệp cho Công ty đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh;

c) Doanh nghiệp chỉ được phép cho thuê nhà xưởng dư thừa khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư và Luật Kinh doanh Bất động sản; Mục tiêu cho thuê nhà xưởng phải thực hiện hạch toán độc lập để thực hiện nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật; Doanh nghiệp chỉ được phép cho đổi tác thuê nhà xưởng nếu dự án có mục tiêu phù hợp với quy hoạch khu công nghiệp và không gây ảnh hưởng đến môi trường;

d) Doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

e) Doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

f) Việc đầu tư xây dựng nhà máy của doanh nghiệp phải tuân thủ theo đúng chứng chỉ quy hoạch và giấy phép xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

g) Hàng tháng và hàng quý doanh nghiệp phải có báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện dự án, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, chính sách đối với người lao động gửi về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và các cơ quan có liên quan để theo dõi và thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Điều 9. Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 02 bản (hai bản) gốc; Chủ đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội/.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 15/1/2025



GIÁM ĐỐC
BAE JOONG HYUNG

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Xuân Chính



Mẫu số 4- Ban hành theo
Thông tư số 2074/TT-TCĐC
ngày 14/12/2001

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 5 năm 2004

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29 tháng 6 năm 2001;

- Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2001 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 2074/2001/TT-TCĐC ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn trình tự lập, xét duyệt hồ sơ xin giao đất, thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong nước;

- Căn cứ Quyết định số 1918/2003/QĐ-UB ngày 21 tháng 5 năm 2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Quy định giá đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

- Căn cứ Quyết định số 5109/QĐ-UB ngày 11/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Ngân Giang thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất thủy tinh cách điện tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Căn cứ Quyết định số 993/QĐ-UB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và bổ sung Quyết định thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Ngân Giang thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất thủy tinh cách điện tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh,

1- Bên cho thuê đất (Bên A):

Đại diện Bên A: Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc.

Ông: Nguyễn Văn Lộc - Giám đốc.

Trụ sở: Phường Đồng Đa, thị xã Vĩnh Yên.

2- Bên thuê đất (Bên B):

Đại diện Bên B: Công ty TNHH Ngân Giang.

Ông: Phí Văn Hoan - Giám đốc.

Trụ sở: 64B tổ 58 phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Tài khoản:

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1:

Bên A cho Bên B thuê khu đất như sau:

1- Diện tích đất: 31.050 m² (Ba mươi một nghìn không trăm năm mươi mét vuông)

Vị trí: Tại khu vực quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Quang Minh giai đoạn II, xã Quang Minh, huyện Mê Linh.

Để sử dụng vào mục đích: Xây dựng Nhà máy sản xuất thủy tinh cách điện.

2- Vị trí khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ Địa chính hiện trạng xin giao đất cho Công ty, tỷ lệ 1/500 được UBND phê duyệt kèm theo Quyết định số 5109/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2003.

3- Thời hạn thuê đất là: 49 năm, kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2003 đến ngày 11 tháng 12 năm 2052.

4- Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2:

Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1- Giá tiền thuê đất là: 2.500,0 đ / m² / năm (giá thuê đất sẽ được điều chỉnh khi nhà nước ban hành giá đất mới)

2- Tiền thuê đất tính từ ngày 11 / 12 / 2003 và nộp tại kho bạc Vĩnh Phúc.

3- Số tiền nộp hàng năm: 77.625.000,0 đồng (Bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4- Phương thức nộp tiền thuê đất: nộp hàng năm.

Điều 3:

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4:

1. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B không được chuyển quyền sử dụng đất thuê nếu không đủ các điều kiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên A đảm bảo quyền sử dụng đất của Bên B, không chuyển giao quyền sử dụng đất trên cho các tổ chức và cá nhân khác khi chưa được Bên B thỏa thuận.

2. Trường hợp Bên B bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác tạo nên pháp nhân mới thì pháp nhân mới phải làm lại thủ tục thuê đất. Thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại của Hợp đồng này, Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao khu đất thuê cho pháp nhân mới.

3. Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên B trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

a- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

b- Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

c- Bên B bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;

d- Bên B bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất do vi phạm các quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 5 :

Hai Bên thoả thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc Hợp đồng này theo quy định của pháp luật.

Điều 6 :

Tranh chấp giữa hai Bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thương lượng được thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 7:

Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8:

Hợp đồng được ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc ngày 28/5/2004, được lập thành 8 bản, mỗi Bên giữ 01 bản. Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc có trách nhiệm gửi Hợp đồng thuê đất đến cơ quan tài chính, thuế, kho bạc nhà nước cấp tỉnh, huyện và cơ quan cấp trên trực tiếp.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

BÊN THUÊ ĐẤT



GIÁM ĐỐC
Thú Văn Kiên



GIÁM ĐỐC
BAE JOONG HYUNG

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn P. P. P.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mê Linh, ngày 15 tháng 10 năm 2013

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận đăng ký bản cấp kết bảo vệ môi trường của dự án "Xây dựng Nhà máy sản xuất vật tư thiết bị trạm biến áp, phụ kiện đường dây, cột đèn chiếu sáng, cách điện và các thiết bị điện khác"

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bán cam kết bảo vệ môi trường của dự án dự "Xây dựng Nhà máy sản xuất vật tư thiết bị trạm biến áp, phụ kiện đường dây, cột đèn chiếu sáng, cách điện và các thiết bị điện khác" của Công ty TNHH Ngão Giang Thiết bị điện G7; Tờ trình số 384/TTr-TNMT ngày 10/10/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mê Linh thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án "Xây dựng Nhà máy sản xuất vật tư thiết bị trạm biến áp, phụ kiện đường dây, cột đèn chiếu sáng, cách điện và các thiết bị điện khác" của Công ty TNHH Ngân Giang Thiết bị điện G7 đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh.

2. Công ty TNHH Ngân Giang Thiết bị điện G7 có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường, cụ thể:

Đối với bụi và khí thải trong quá trình thi công và sau khi dự án đi vào hoạt động phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng và dự án đi vào hoạt động phải được tập gom và xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; Nước mưa chảy tràn phải được tập gom và xử lý đạt QCVN 08:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Trong đó, đã từng thông qua trình thi công dự án và khi dự án đi vào hoạt động phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn QCVN 2:2010/BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 2:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Thuộc diện vực rau-gom, quan lý xử lý chất thải rắn (bao gồm cả chất thải thông thường và chất thải nguy hại) để đảm bảo theo Quy định số 16/2009/QĐ-TTND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và theo các quy định của pháp luật về chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại và chất thải rắn y tế. UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 12/2011/QĐ-TTND ngày 14/7/2011 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch và kế hoạch đầu tư phát triển các công trình xử lý chất thải rắn quy mô khu vực.



Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo quy định, kết quả giám sát được lưu giữ tại đơn vị và định kỳ gửi báo cáo về UBND huyện Mê Linh (qua phòng Tài nguyên và Môi trường) để kiểm tra, giám sát. Tần suất báo cáo là 06 tháng/lần.

3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và hoạt động của dự án "Xây dựng Nhà máy sản xuất vật tư thiết bị trạm biến áp, phụ kiện đường dây, cột đèn chiếu sáng, cách điện và các thiết bị điện khác" của Công ty TNHH Ngân Giang Thiết bị điện G7.

4. Công ty TNHH Ngân Giang Thiết bị điện G7 có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh.

Nơi nhận:

- UBND huyện (để b/c);
- Sở TNMT (để b/c);
- Công ty TNHH Ngân Giang Thiết bị điện G7 (để t/h);
- Phòng TNMT (để theo dõi);
- Lưu: VT, TNMT, T06b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Trọng

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 15/6/2012

GIÁM ĐỐC
BAE JOONG HYUNG



UBND TỈNH VINH PHÚC
SỞ Y DƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ QUY HOẠCH

CÔNG TY TNHH NGÂN GIANG- THIẾT BỊ ĐIỆN G7

Địa chỉ :
Số nhà : 64B Đường : Tổ 58
Phường (xã) : Thành Công Quận (huyện) : Ba Đình
Tỉnh (Thành phố) : Hà Nội

2.-Nội dung chứng chỉ quy hoạch :

2.1.-Tên lô đất : 49 G Tổng diện tích : 31.050

Số nhà : Đường :
Phường (xã) : Quang Minh Quận (huyện) : Mê Linh
Tỉnh (Thành phố) : Vĩnh Phúc.

2.2 - Quy hoạch và sử dụng đất đai :

1.- Chức năng khu đất : Đất nông nghiệp chuyển đổi

Loại công trình được xây dựng : XD nhà máy SX thuộc lĩnh vực công nghiệp

Cấm xây dựng các công trình : Nhà tạm, dễ cháy nổ, gây ô nhiễm môi trường.

2.- Chỉ giới đường đỏ lùi ra : Không

3.- Cốt san nền : Trung bình : 10,68 m

4.- Bề ngang tối thiểu : Theo bản vẽ quy hoạch địa điểm = 115 m

5.- Mật độ xây dựng : (DTXD công trình/DT lô đất) x 100 : 40- 60%

6.- Hệ số sử dụng đất : (Tổng DT sàn công trình/DT lô đất)x100 : >50%

7.- Chiều cao tối đa : 18m Tối thiểu : 4,2 m

8.- Chỉ số xây dựng (khoảng lùi) : > 15,0 m So với chỉ giới giao đất phía có trục đường chính

9.- Yêu cầu kiến trúc : Mẫu sắc : Phù hợp với kiến trúc tổng thể khu vực.

Vật liệu : Gạch đỏ bền chắc

Mái : Bằng hoặc dốc

10.- Yêu cầu về cây xanh, môi trường : Diện tích cây xanh > 15%.

11.- Chỗ đỗ xe : Thiết kế bên trong chỉ giới giao đất.

2.3- Những điều cần lưu ý khác : Không XD tường rào dọc lùi ở phía đường.

3.-Chú ý : Chứng chỉ quy hoạch này có giá trị trong 01 năm. Chứng chỉ quy hoạch là căn cứ để thiết kế công trình và không có giá trị làm chứng từ về quyền sử dụng đất đồng thời không thay thế giấy phép xây dựng/.

Nơi nhận

NT
Linh QH

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 15/10/2023

Vinh yên, ngày 15 tháng 3 năm 2005

SỞ XÂY DỰNG VINH PHÚC



GIÁM ĐỐC

BAE JOONG HYUNG

UBND TỈNH VINH PHÚC
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 37/GPXD

Xây dựng mới	X
Cải tạo sửa chữa	

1. CẤP CHO: CÔNG TY TNHH NGÂN GIANG THIẾT BỊ ĐIỆN G7

Địa chỉ: D204B tầng 2 Tòa Nhà số 22 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội.

Số nhà: Đường (phố):

Phường (xã): Quận (huyện): Đống Đa

Tỉnh, thành phố: Hà Nội.

2. ĐƯỢC PHÉP XD CT (lại CT): Nhà máy cơ khí đúc thiết bị G7

Đơn vị: Công ty TNHH Kiến trúc Công nghệ cao xác lập

Gồm các hạng mục sau đây:

1. Nhà điều hành, nhà xưởng, và các công trình phụ trợ.

Trên khu lô đất: Diện tích: 40.500m²

Số nhà: Đường (phố): Phường (xã): Quang minh.

Quận (huyện, thị xã): Mê Linh tỉnh (thành phố): Vinh Phúc.

Giấy tờ về quyền sử dụng đất: số 5109/QĐ-UB của UBND Tỉnh Vinh Phúc
ngày 11/12/2003.

3. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý:

3.1- Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan.

3.2- Chủ đầu tư phải thực hiện các điều quy định sau đây:

- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.

- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng, công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải).

- Xuất trình giấy phép cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và yết báo phối cảnh công trình, số giấy phép, tên đơn vị thiết kế thi công ngày hoàn thành tại địa điểm chân công trình.

- Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép mới được tiếp tục thi công.

- Khi XD xong, chủ đầu tư phải lập hồ sơ hoàn công công trình và nộp cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng để lưu trữ. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản kiểm tra công trình hoàn thành (trang sau) mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

3.3- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng công trình trong thời hạn một năm kể từ ngày ký cấp giấy phép xây dựng, quá thời hạn trên thì phải xin phép gia hạn.

3.4- Thời hạn hoàn thành công trình dự kiến là: 12 tháng, kể từ ngày cấp phép xây dựng.



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày: 15/1/2005

Vinh Phúc, ngày 28 tháng 4 năm 2005



PGM ĐOC

Nguyễn Đem

GIÁM ĐỐC

BAE JOONG HYUNG

**CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Số: 453 /NT-PCCC
V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về phòng cháy
và chữa cháy

Mẫu số PC12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Ngân Giang thiết bị điện G7

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 234/TD-PCCC ngày 07/3/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 02/G7/ĐN-NTPCCC ngày 26/5/2025 của Công ty TNHH Ngân Giang thiết bị điện G7.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Phí Văn Hoan, Chức vụ: Giám đốc;

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 04/6/2025 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Hệ thống nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà kho và các hạng mục phụ trợ, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô 49 G, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Ngân Giang thiết bị điện G7.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần XDA Holdings.

Quy mô công trình: Diện tích khu đất xây dựng công trình khoảng 40.500m² với các hạng mục: Nhà xưởng A có diện tích xây dựng khoảng 8.464,6m², cao 01 tầng (01 sàn lửng có diện tích khoảng 103,5m²), chiều cao đến điểm mái là 7,7m; bố trí công năng sản xuất, gia công sản phẩm đồ dùng gia đình, sắt thép, hạng nguy hiểm cháy nổ C3; Nhà xưởng B có diện tích xây dựng khoảng 6.341,2m², cao 01 tầng (01 sàn lửng có diện tích khoảng 210,6m²), chiều cao đến điểm mái là 7,2m, hạng nguy hiểm cháy nổ C3; Nhà xưởng C có diện tích xây dựng khoảng 6.074,8m², cao 01 tầng (01 sàn lửng có diện tích khoảng 1.013,8m²), chiều cao đến điểm mái là 8,4m, hạng nguy hiểm cháy nổ C3; Nhà ở nhân viên có diện tích xây dựng khoảng 294,2m², cao 01 tầng, chiều cao đến điểm mái là 3,3m; Nhà tạm, nhà để xe có diện tích xây dựng khoảng 224,8m², cao 01 tầng, chiều cao đến điểm mái là 2,3m; Nhà bảo vệ có diện tích xây dựng khoảng 20,4m², cao 01 tầng, chiều cao đến điểm mái là 3,3m; Nhà trạm bơm có diện tích xây dựng khoảng 45,5m², cao 01 tầng, chiều cao đến điểm mái là 3,2m. Trạm biến áp, sân vườn, hồ nước và giao thông đường bãi.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối thoát nạn, ngăn cháy lan;
- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, họng nhận nước từ xe chữa cháy, hệ thống chữa cháy sprinkler tự động bằng nước; trang bị bình chữa cháy xách tay, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, dụng cụ phá dỡ thô sơ;
- Giải pháp cấp điện cho máy bơm chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác liên quan đến PCCC.

Các yêu cầu kèm theo:

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng, thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ trước khi đưa vào hoạt động.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình theo điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo đảm bảo theo quy định và gửi hồ sơ đến Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC trước khi tiến hành thi công cải tạo.

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Công an không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên; (để thực hiện)
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Thiếu tướng Dương Đức Hải - PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
(để báo cáo)
- Tổ địa bàn PCCC&CNCH Mê Linh;
(để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2_(Nao).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Nguyễn Tuấn Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 111/2023/HĐ-XLNT

Hôm nay, ngày 29 tháng 05 năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức, bởi và giữa các bên sau đây:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 49G, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 02435251858
Mã số thuế : 0110293694
Đại diện : Ông Akihiro Tsukamoto
Chức vụ : Tổng Giám đốc
(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

Và

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ : KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 024 3586 0478
Email : bqlkcnquangminh@tnsholdings.com.vn
Mã số thuế : 2500222438
Tài khoản số : 034 0101 0005862 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Long Biên
Đại diện : Ông Nguyễn Khắc Sơn
Chức vụ : Giám đốc
(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

Bên A và Bên B trong Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải này được gọi chung là "**Hai Bên**", "**Các Bên**" và gọi riêng là "**Bên**" tùy theo ngữ cảnh.

XÉT RẰNG:

- Bên A là pháp nhân được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và hiện là Nhà đầu tư thực hiện dự án tại Khu công nghiệp Quang Minh. Bên A có nhu cầu sử dụng dịch vụ thu gom, xử lý nước thải của Bên B.
- Bên B là Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, có địa chỉ tại huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Bên B đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình Bên A thực hiện dự án đầu tư tại Khu công nghiệp Quang Minh.

NAY, VÌ VẬY, Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải

Đu

này với những điều kiện và điều khoản như sau:

PHẦN I: CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Hợp Đồng:** là hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải này và toàn bộ các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm được Hai Bên ký kết trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.
2. **KCN:** là Khu công nghiệp Quang Minh, có địa chỉ tại huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.
3. **Hệ Thống XLNT:** là hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của toàn KCN.
4. **Điểm Đầu Nối:** là vị trí hố ga mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên A được nối vào Hệ Thống XLNT.
5. **Bên Thứ Ba:** là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này.
6. **Ngày:** là ngày dương lịch.
7. **Ngày Làm Việc:** là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết theo quy định của pháp luật.
8. **Pháp Luật:** Được hiểu là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
9. **Cơ Quan Có Thẩm Quyền:** Được hiểu là một và/hoặc một số cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép, phê duyệt, chấp thuận, xác nhận hoặc ban hành các giấy tờ khác có liên quan và/hoặc có thẩm quyền phê duyệt đến phạm vi công việc theo Hợp Đồng.

PHẦN II: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ

- 1.1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải đáp ứng yêu cầu về chất lượng quy định tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này do Bên A xả vào Hệ Thống XLNT, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp Luật để xả thải vào nguồn nước tiếp nhận (sau đây gọi tắt là "Dịch Vụ").
- 1.2. Các Bên đồng ý rằng Bên B chỉ cung cấp Dịch Vụ đối với lượng nước thải phát sinh từ nhà máy sản xuất ("Dự Án") của Bên A trong phạm vi KCN. Bên B sẽ không thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải mà Bên A xả thải ra ngoài phạm vi KCN hoặc không xả thải vào Hệ Thống XLNT.
- 1.3. Các Bên đồng ý thời hạn Hợp Đồng này bắt đầu kể từ ngày 03/05/2023 đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2027 ("Thời Hạn Hợp Đồng"). Thời Hạn Hợp Đồng được gia hạn theo thỏa thuận của Các Bên, đảm bảo phù hợp với thời hạn Dự Án của Bên A và/hoặc quyết định của Cơ Quan Có Thẩm Quyền.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI

- 2.1. Vị trí Điểm Đầu Nối sẽ do Bên B chỉ định theo thiết kế kỹ thuật để đảm bảo Hệ Thống XLNT vận hành an toàn và ổn định. Bên A có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của Bên B liên quan đến việc đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom xử lý nước thải riêng của Bên A tới Hệ Thống XLNT.

- 2.2. Để làm rõ, toàn bộ chi phí liên quan tới việc đầu nối, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí đầu tư công trình xử lý nước thải sơ bộ của Bên A, tuyến ống thu gom và hạng mục, phụ kiện, phụ trợ khác sử dụng để vận chuyển nước thải từ nơi phát sinh đến Điểm Đầu Nối sẽ do Bên A tự chịu trách nhiệm thực hiện và chi trả.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN A XẢ VÀO HỆ THỐNG XLNT

3.1. Khối lượng nước thải:

Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng sạch mà Bên A sử dụng theo hóa đơn tiền nước của Bên A cho mục đích sinh hoạt và sản xuất.

Trường hợp Bên A chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên A phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải. Khi đó, khối lượng nước thải để tính Phí Dịch Vụ sẽ căn cứ theo chỉ số đồng hồ đo nước thải.

3.2. Chất lượng nước thải:

- a. Nước thải của Bên A chỉ được xả vào Hệ Thống XLNT khi Bên A đã tự xử lý sơ bộ và đảm bảo các điều kiện ("Chỉ Tiêu") sau:

- Các thông số ô nhiễm trong nước thải có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng giá trị C tại cột B của Bảng 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT - Về nước thải công nghiệp (chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo Hợp Đồng này);
- Chỉ số COD ≤ 150 mg/l;
- Phù hợp với Báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường) Dự Án của Bên A tại KCN đã được Cơ Quan Có Thẩm Quyền phê duyệt.

- b. Bên B có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên A tại bất kỳ thời điểm nào. Đồng thời, Bên A có nghĩa vụ cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường/Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Cơ Quan Có Thẩm Quyền cấp cho Bên A để Bên B kiểm tra khi Bên B yêu cầu.

- c. Trường hợp Bên B nghi ngờ Bên A xả nước thải vượt quá Chỉ Tiêu cho phép quy định tại điểm a Điều khoản này, Bên B có quyền lấy mẫu nước thải của Bên A tại bất kỳ thời điểm nào để xác định chính xác chất lượng nước thải của Bên A. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của Các Bên và kết quả được lấy làm cơ sở tính Phí Dịch Vụ theo quy định tại Điều 4 Hợp Đồng này.

Trường hợp Bên A không hợp tác trong việc lấy mẫu nước thải, Bên B được quyền tự mình thực hiện việc lấy mẫu hoặc lấy mẫu với sự chứng kiến của Bên Thứ Ba do Bên B lựa chọn. Kết quả kiểm định, quan trắc, thí nghiệm nước thải do Bên B thực hiện trong trường hợp này được coi là kết quả chính thức và là căn cứ để xác định Phí Dịch Vụ áp dụng đối với Bên A tại Điều 4 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 4. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Đơn giá Dịch Vụ

100%
CI
VII
VANH
222
COW
CHIA
QUY
GAT
N
LIN

- a. Đơn giá Dịch Vụ được xác định là: 13.000 đồng/m³.
 Từ kỳ nước tháng 1/2024 đơn giá dịch vụ xử lý nước thải là 14.300 đồng/m³.
 Từ kỳ nước tháng 1/2026 đơn giá dịch vụ xử lý nước thải là 15.500 đồng/m³.
 - b. **Cơ sở xác định Đơn giá Dịch Vụ:**
 Đơn giá Dịch Vụ được xác định dựa trên chỉ tiêu COD (hàm lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải) của nước thải đầu ra của Bên A.
 Căn cứ ban đầu để xác định chất lượng nước thải đầu ra của Bên A áp dụng cho việc tính Đơn giá Dịch Vụ là (i) Phiếu kết quả phân tích nước thải trong báo cáo kết quả quan trắc môi trường môi nhất của Bên A; hoặc (ii) Cam kết chỉ tiêu COD đầu ra của Bên A trong trường hợp nước thải đầu ra của Bên A có giá trị các thông số ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị C tại cột B của Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT.
 - c. **Điều chỉnh Đơn giá Dịch Vụ:** Bên B được quyền điều chỉnh tăng Đơn giá Dịch Vụ căn cứ vào biến động giá cả thị trường (bao gồm nhưng không giới hạn điện, nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước, ...), với mỗi lần điều chỉnh tăng không quá 15% Đơn giá Dịch vụ kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh Đơn giá Dịch Vụ Bên B sẽ thông báo cho Bên A trong thời hạn 15 ngày trước ngày bắt đầu áp dụng Đơn giá Dịch Vụ điều chỉnh. Đơn giá Dịch Vụ được điều chỉnh định kỳ 02 năm một lần.
- 4.2. Phí Dịch Vụ trong trường hợp nước thải đảm bảo Chỉ Tiêu**
 Trường hợp nước thải của Bên A xả vào hệ thống thu gom của KCN đảm bảo Chỉ Tiêu nêu tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này, Phí Dịch Vụ hàng tháng được tính căn cứ vào Đơn giá Dịch Vụ và khối lượng nước thải trong tháng đó xác định theo Điều 3.1 Hợp Đồng này, được tính theo công thức dưới đây:
[Phí Dịch Vụ hàng tháng] = (bằng) [Đơn giá Dịch Vụ] x (nhân với) [Khối lượng nước thải phát sinh trong tháng]
- 4.3. Phí Dịch Vụ trong các trường hợp nước thải vượt Chỉ Tiêu:**
- a. Trong quá trình Bên B kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện nghi vấn về chất lượng nước thải đầu ra của Bên A, thì Bên B sẽ lập biên bản lấy mẫu nước thải, gửi thông báo kết quả mẫu nước cho Bên A. Trường hợp nước thải của Bên A xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt cao hơn Chỉ Tiêu nêu tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này thì Bên A chịu trách nhiệm thanh toán như sau:
 - i. Đối với nước thải đầu ra của Bên A có các thông số ô nhiễm vượt cao hơn giá trị C tại cột B của Bảng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT Phụ lục 01 và/hoặc có chỉ số COD ở mức $150\text{mg/l} < \text{COD} \leq 400\text{mg/l}$ thì Bên A phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải. Phí Dịch Vụ xử lý nước thải trong tháng Bên B lấy mẫu nước thải, được tính theo công thức dưới đây:

$$[\text{GTtk}] = [\text{Đơn giá Dịch Vụ}] \times K \times [\text{Qtk}]$$

Trong đó:

[GTtk] - là Phí Dịch Vụ và chi phí phân tích mẫu nước thải.

[Qtk] - là khối lượng nước thải phát sinh trong kỳ lấy mẫu nước thải để phân tích.

K - là hệ số điều chỉnh được quy định tại Thông tư 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng, hệ số K tại công thức trên có giá trị tối thiểu = 2 và sẽ được Bên B xác định giá trị cụ thể.

b. Trong các trường hợp nêu trên, Bên A đồng thời phải trả thêm phí xử lý nước thải bổ sung bằng 50% tổng số tiền Phí Dịch Vụ của tháng đó trong thời hạn Bên B yêu cầu.

4.4. Phí Dịch Vụ tại Khoản 4.2 và Khoản 4.3 Điều này chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT). Bên A có trách nhiệm thanh toán tiền thuế VAT theo đúng quy định của pháp luật trong từng kỳ thanh toán tương ứng với số tiền Phí Dịch Vụ.

4.5. **Phương thức thanh toán**

a. Bên A sẽ thanh toán Phí Dịch Vụ và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính khác đến hạn bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Bên B tại phần đầu Hợp Đồng này hoặc vào một tài khoản khác do Bên Cho Thuê chỉ định bằng văn bản (nếu có) hoặc thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng của Bên B.

b. Phí Dịch Vụ sẽ được Bên A thanh toán theo định kỳ một tháng một lần. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo Phí Dịch Vụ trong tháng do Bên B phát hành, Bên A có trách nhiệm thanh toán Phí Dịch Vụ của tháng đó cho Bên B.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1. Được sử dụng Dịch Vụ theo đúng quy định tại Hợp Đồng này;

5.2. Có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn Phí Dịch Vụ theo quy định tại Điều 4 của Hợp Đồng này;

5.3. Có trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chịu chi phí kiểm định/quan trắc khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Hợp Đồng này; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải của Bên A.

5.4. Thông báo ngay cho Bên B bằng văn bản trong các trường hợp: Thay đổi chất lượng nước thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy...

5.5. Cung cấp cho Bên B sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy và/hoặc công trình xây dựng khác của Bên A để Bên B kiểm tra giám sát. Bên A có trách nhiệm xây dựng tách biệt hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thoát nước thải và không được để Bên Thứ Ba đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên A.

5.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, quy định của KCN, quy định của Hợp Đồng này về chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải.

5.7. Chỉ xả nước thải vào vị trí theo chỉ định của Bên B. Trường hợp Bên A xả nước thải vào các vị trí khác ngoài vị trí do Bên B chỉ định thì Bên A được coi là vi phạm Hợp Đồng. Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào phát sinh từ hành vi vi phạm của Bên A.

5.8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của Pháp

Luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Bảo đảm duy trì các giấy phép cần thiết để thực hiện Dịch Vụ theo quy định của Pháp Luật.
- 6.2. Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng Dịch Vụ cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.3. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của Pháp Luật, quy định của KCN về công tác bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ Thống XLNT.
- 6.4. Yêu cầu Bên A thanh toán Phí Dịch Vụ đầy đủ và đúng hạn. Đối với các khoản thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này mà chưa quy định thời hạn thanh toán, Bên A sẽ thanh toán trong thời hạn theo thông báo của Bên B.
- 6.5. Bên B có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả thải nước thải của Bên A vào Hệ Thống XLNT và yêu cầu Bên A xả nước thải đảm bảo Chỉ Tiêu vào hệ Thống XLNT của KCN.
- 6.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

7.1. Quyền tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ của Bên B

Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Trường hợp nước thải của Bên A không đáp ứng được các Chỉ Tiêu quy định tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này, Bên B sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên A chấm dứt, khắc phục vi phạm trong thời hạn tối đa 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo. Nếu quá thời hạn này Bên A không chấm dứt vi phạm và/hoặc hoàn thành việc khắc phục vi phạm để chất thải của Bên A đảm bảo đúng Chỉ Tiêu thì Bên B được quyền tạm ngừng cung cấp nước sạch và Dịch Vụ cho Bên A.
- b. Bên A không thanh toán đầy đủ và/hoặc đúng hạn chi phí phân tích mẫu nước thải, Phí Dịch Vụ, phí xử lý nước thải bổ sung hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác trong thời hạn quy định tại Hợp Đồng này.
- c. Bên B tiến hành sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và bảo hành, bảo dưỡng Hệ Thống XLNT. Trường hợp này, Bên B sẽ có văn bản thông báo cho Bên A biết lý do, thời gian thực hiện. Đồng thời, Bên B sẽ có biện pháp phù hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên A và môi trường.
- d. Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Khắc phục theo quy định tại Điều 10 Hợp Đồng này.

7.2. Khôi phục việc cung cấp Dịch Vụ:

- a. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên A chấm dứt vi phạm, khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra và/hoặc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và/hoặc hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng này, Pháp Luật và/hoặc Sự Kiện Bất Khả Khắc phục theo quy định tại Điều 10 Hợp Đồng này chấm dứt, Bên B sẽ tiếp tục cung cấp Dịch Vụ cho Bên A.
- b. Trừ trường hợp tại điểm c Điều 7.1 Hợp Đồng này, Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho

Bên B toàn bộ chi phí phát sinh từ việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước, các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình này (nếu có) để tiếp tục cung cấp Dịch Vụ cho Bên A, theo bảng tính do Bên B lập và trong thời hạn do Bên B yêu cầu.

- c. Bên A chịu mọi trách nhiệm phát sinh (bao gồm nhưng không giới hạn ở nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm hành chính, tiền bồi thường thiệt hại, ...) trước Cơ Quan Có Thẩm Quyền. Bên Thứ Ba (nếu có) liên quan đến khối lượng nước thải của Bên A phát sinh trong thời gian Bên B tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ theo quy định tại Điều 7.1 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào theo quy định tại Hợp Đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn Phí Dịch Vụ, phí xử lý nước thải bổ sung, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, ...), Bên A phải trả lãi chậm trả với lãi suất là 0,05%/ngày cho số tiền chậm thanh toán và trong khoảng thời gian tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên A đã thanh toán đầy đủ các khoản tiền đó. Việc Bên A thanh toán tiền lãi chậm trả không ảnh hưởng đến quyền của Bên B được áp dụng các biện pháp xử lý, khắc phục được quy định tại các điều khoản khác của Hợp Đồng này.
- 8.2. Trừ các trường hợp được quy định tại Hợp Đồng này, không Bên nào được đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này trước hạn. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn trái quy định tại Hợp Đồng này, Bên đó phải chịu phạt 08% (tám phần trăm) tổng Phí Dịch Vụ tương ứng với Thời Hạn Hợp Đồng còn lại, tính từ thời điểm Hợp Đồng bị đơn phương chấm dứt trái quy định, và được tính trên cơ sở mức Phí Dịch Vụ của tháng có Phí Dịch Vụ cao nhất trong thời gian Hợp Đồng đã được thực hiện trước đó và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh.
- 8.3. Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác, nếu Bên A và/hoặc bất kỳ nhân viên của Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và không đầy đủ hoặc chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào quy định trong Hợp Đồng, Bên A sẽ chịu phạt số tiền tương đương 08% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên B.
- 8.4. Trong trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp Đồng này ("Bên Vi Phạm") mà không khắc phục trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày có thông báo của Bên không vi phạm, Bên Vi Phạm sẽ bồi thường mọi tổn thất, thiệt hại thực tế mà Bên không vi phạm phải gánh chịu phát sinh do vi phạm Hợp Đồng này của Bên Vi Phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 9.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày được Các Bên ký kết hợp lệ và chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau:
- a. Hết Thời Hạn Hợp Đồng mà không được gia hạn;
- b. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng;
- c. Trường hợp Bên A vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp Đồng này mà không khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

bảo chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản cho Bên A và Hợp Đồng sẽ chấm dứt kể từ ngày theo thông báo của Bên B;

- d. Xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 10.3 Hợp Đồng này.
- e. Khi một Bên bị giải thể, phá sản và hoặc bị buộc chấm dứt hoạt động theo quyết định của Cơ Quan Có Thẩm Quyền và/hoặc quy định của Pháp Luật.

9.2. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng:

- a. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm a, điểm b Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo thỏa thuận của Các Bên;
- b. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm c Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện như sau:
 - i. Bên A chịu lãi chậm trả (nếu có), phạt vi phạm và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định tại Điều 8 Hợp Đồng này;
 - ii. Bên A có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán tính đến ngày Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực.
- c. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm d Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 10.3 Hợp Đồng này;
- d. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm e Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;
- e. Các Bên đồng ý rằng trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp Đồng này:
 - i. Bên B ngừng cung cấp Dịch Vụ cho Bên A tại ngày Hợp Đồng chấm dứt.
 - ii. Bên A có trách nhiệm thanh toán đối với toàn bộ Phí Dịch Vụ phát sinh chưa được Bên A thanh toán, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác thuộc về nghĩa vụ của Bên A (nếu có) trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B hoặc thời hạn khác theo thông báo của Bên B.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng được hiểu là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên bao gồm nhưng không giới hạn bởi: động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, dịch bệnh, chiến tranh, phong tỏa hoặc cấm vận theo quyết định của của Cơ Quan Có Thẩm Quyền hay xuất hiện sự thay đổi trong chính sách, pháp luật của Nhà nước mà mặc dù Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã cố gắng hết sức trong khả năng có thể nhưng không thể ngăn cản, hạn chế được sự ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng, là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng tới việc không thể tiếp tục thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng ("Sự Kiện Bất Khả Kháng").

Để làm rõ, mọi khó khăn về tài chính đơn thuần phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào dẫn đến việc Bên A không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên B đều không được coi là Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 10.2. Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên bị ảnh hưởng phải:

- a. Thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất nhưng không trễ hơn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng để Các Bên cùng bàn bạc và thống nhất cách giải quyết và khắc phục hậu quả;
 - b. Sử dụng mọi nỗ lực hợp lý để giảm thiểu tác động của sự trì hoãn hay cản trở đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng;
 - c. Phục hồi việc thực hiện các nghĩa vụ của mình ngay khi lý do trì hoãn hay cản trở gây ra bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng được loại bỏ.
- 10.3 Nếu các Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài hơn 30 (ba mươi) ngày và một Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó thì Các Bên có thể thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng. Theo đó, hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng sẽ do Các Bên thỏa thuận.

ĐIỀU 11. PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN

- 11.1. Hai Bên cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho mỗi Bên hoặc được mỗi Bên chỉ định (sau đây gọi tắt là "Người Của Bên A" và "Người Của Bên B") sẽ không có những hành vi hoặc hứa hẹn, đòi hỏi những hành vi giám giá, trích thưởng, đưa tiền/tài sản hiện vật/lợi ích không minh bạch đối với bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại hoặc có những hành vi chú quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại trong việc thực hiện Hợp đồng (các hành vi nói trên, sau đây được gọi tắt chung là "Gian Lận"), nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký kết Hợp đồng một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, và/hoặc đạt được các lợi ích không công bằng khác.
- 11.2. Các hành vi Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên A nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên B nào có biểu hiện, hành vi Gian Lận thì Bên A có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên B theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.
- 11.3. Trường hợp Bên B phát hiện bất kỳ bằng chứng, tài liệu nào thể hiện việc Người Của Bên A có hành vi Gian Lận, thì Bên B có toàn quyền nhưng không có nghĩa vụ chấm dứt Hợp Đồng này ngay lập tức sau khi gửi một thông báo bằng văn bản cho Bên A và không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào mà Bên B có quyền hưởng theo Hợp Đồng này hoặc pháp luật có liên quan. Đồng thời, Bên A có trách nhiệm: (i) thanh toán cho Bên B một khoản tiền có giá trị bằng 10 (mười) lần số tiền Gian Lận do Bên B xác định, hoặc 30% (ba mươi phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng này; và (ii) bồi thường cho Bên B tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc Bên A vi phạm các nghĩa vụ đã đề cập ở trên và từ việc chấm dứt Hợp Đồng này, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Gian Lận của Bên A. Bên có hành vi Gian Lận sẽ miễn trừ cho Bên còn lại mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Gian Lận của Bên có hành vi Gian Lận vi phạm pháp luật Việt Nam.

- 11.4. Việc một Bên thanh toán cho Bên còn lại các khoản tiền phát sinh từ việc thực hiện không thực hiện các quy định tại Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức một khoản thanh toán riêng biệt so với các khoản thanh toán khác giữa Hai Bên theo Hợp Đồng này, và/hoặc dưới hình thức đối trừ công nợ giữa Hai Bên phát sinh từ Hợp Đồng này, và/hoặc kết hợp cả hai hình thức nói trên, tùy theo quyết định, thông báo bằng văn bản của Bên B.

ĐIỀU 12. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 12.1. Hợp Đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi Pháp Luật Việt Nam.
- 12.2. Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, Hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng trên tinh thần hợp tác để cùng nhau tìm ra hướng giải quyết có lợi cho cả Hai Bên.
- 12.3. Nếu có bất kỳ tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Trong trường hợp Hai Bên không đạt được sự thỏa thuận chung thì bất kỳ Bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.
- 12.4. Hợp Đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

- 13.1. Mọi thông báo, thỏa thuận, yêu cầu, và các liên lạc khác ("**Thông Báo**") cần thiết theo Hợp Đồng này sẽ được làm thành văn bản và phải được (i) gửi trực tiếp, hoặc (ii) gửi qua hệ thống bưu điện, hoặc (iii) chuyển bằng thư bảo đảm có báo phát, hoặc (iv) gửi bằng thư điện tử vào địa chỉ nhận thông báo của Bên còn lại; với điều kiện bản gốc phải được gửi cho Bên nhận bằng một trong các phương pháp tại mục (ii) và (iii) nêu trên trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc.
- 13.2. Thời điểm mà một Thông Báo hợp lệ như trên được coi là đã được nhận là:
- a. Ngày mà người nhận ký xác nhận, trong trường hợp gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
 - b. Ngày được ghi trong báo phát, trong trường hợp thư bảo đảm; hoặc
 - c. Ngày mà hệ thống thư điện tử của Bên nhận báo nhận thành công.
- 13.3. Tất cả Thông Báo phải được gửi đến địa chỉ như đã quy định tại phần đầu Hợp Đồng. Mỗi Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận Thông Báo vào bất cứ thời điểm nào bằng cách thông báo về thay đổi đó cho Bên kia theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 14.1. Tất cả các điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực riêng và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi được theo luật pháp Việt Nam thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào. Trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép, Các Bên sẽ từ bỏ các quyền và lợi ích theo bất kỳ quy định của văn bản quy phạm pháp luật nào có thể làm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cấm hoặc không có khả năng thi hành về bất kỳ khía cạnh nào.

- 14.2. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào trong Hợp Đồng đều không có hiệu lực trừ khi được lập thành phụ lục và ký bởi đại diện hợp pháp của Các Bên.
- 14.3. Bên A không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B.
- 14.4. Bên A đồng ý rằng Bên B có quyền chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của Hợp Đồng này cho Bên Thứ Ba, hoặc trong trường hợp Bên B tổ chức lại doanh nghiệp, bao gồm sáp nhập vào một công ty khác hoặc được chia, hoặc tách hoặc được chuyển đổi, với điều kiện là việc chuyển giao các quyền và nghĩa vụ đó không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Bên A theo Hợp Đồng này.
- 14.5. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản gốc để thực hiện.
- 14.6. Để xác nhận, Các Bên đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng.



TỔNG GIÁM ĐỐC
TSUKAMOTO AKIHIRO



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Sơn



PHỤ LỤC 01

Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2011/BTXMT kèm theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 113/2023/HĐ-XLNT)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua (không áp dụng khi xa vào nguồn nước mặt, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3	1

30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vì khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3082 /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức ngày 20 tháng 10 năm 2017 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (có địa chỉ tại Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) được xả nước thải từ nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Và tại xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí xả nước thải: xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả nước thải ra đầm Và (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°):

X = 2340543

Y = 579277

3. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được chảy vào kênh thoát nước chung của khu vực sau đó chảy ra đầm Và theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 6.000 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật về nước, thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột A hệ số $K_q = 0,6$; $K_r = 0,9$. Riêng đối với thông số BOD₅ (20°C) không vượt quá 21,6mg/l, COD không vượt quá 54mg/l, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) không vượt quá 36mg/l, Amoni (tính theo N) không vượt quá 3,6mg/l, Tổng Nitơ không vượt quá 14,4mg/l và Tổng Photpho không vượt quá 2,88mg/l. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số và giới hạn tối đa chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt-Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21,6
5	COD	mg/l	54
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	36
7	Asen	mg/l	0,027
8	Thủy ngân	mg/l	0,003
9	Chì	mg/l	0,054
10	Cadimi	mg/l	0,027
11	Crom (VI)	mg/l	0,027
12	Crom (III)	mg/l	0,108
13	Đồng	mg/l	1,08
14	Kẽm	mg/l	1,62
15	Niken	mg/l	0,108
16	Mangan	mg/l	0,27
17	Sắt	mg/l	0,54
18	Tổng Xianua	mg/l	0,038
19	Tổng Phenol	mg/l	0,054
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,7
21	Sunfua	mg/l	0,108
22	Florua	mg/l	2,7
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	3,6
24	Tổng nitơ	mg/l	14,4
25	Tổng photpho	mg/l	2,88
26	Clorua	mg/l	270
27	Clo dư	mg/l	0,54
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,027
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ	mg/l	0,162

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
30	Tổng PCB	mg/l	0,002
31	Coliform	MPN/100ml	3.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; trong quá trình hoạt động, nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành bể phồng ngừa ứng phó sự cố với dung tích tối thiểu 18.000m³ trước ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. Thực hiện quan trắc nước thải như sau:

4.1. Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý tại vị trí trước khi chảy ra kênh thoát nước chung của khu vực với các thông số quan trắc: nhiệt độ, COD, TSS, DO, pH, và lưu lượng nước thải.

4.2. Quan trắc định kỳ nước thải theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại bể thu gom nước thải) và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại vị trí trước khi chảy ra kênh thoát nước chung của khu vực với các thông số quy định tại Bảng 1 Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; quản lý, kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.

7. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội về tình hình thu gom, xử lý, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Giấy phép này.

Điều 3. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục Môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, HSCTP (TNN-NT-034.17) (02), TNN (02).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN SẴNG * Võ Tuấn Nhân

Ngày: 13-01-2018

Số CT.....5.3.1.....Quyển số.....0.....SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Thị Văn Anh

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /GXN-STNMT-CCBVM

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2020

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án "Đầu tư và phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2"

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI XÁC NHẬN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức
Địa chỉ văn phòng: Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 024.35860478 Fax: 024.38134514
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 2500222438
Ngày cấp: 19/08/2003 (lần đầu), 23/12/2019 (thay đổi lần thứ 13)
Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.
Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1384/QĐ-CT ngày 29/04/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án "Đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2" (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN, CƠ SỞ

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: Sở CT.....Quyển số.....BCT/HS

- Công ty TNHHĐT và PT hạ tầng Nam Đức (để thực hiện);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, CCBVM (02)



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hương



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn Định

Phụ lục

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 51 /GXN-STNMT-CCBVMT ngày 12 tháng 12 năm 2020 của
Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa:

Chủ Dự án đã xây dựng 12.624,5m dài, 42 hố ga giai đoạn 2. Hệ thống được thiết kế bằng mương xây B=700mm, B=800mm, B=1.000mm và cống D=1.000mm, D=1.500mm đoạn qua đường. Các hố ga thu được xây dựng có kích thước 1x1x1,2 m (dài x rộng x cao). Hệ thống thu gom thoát nước mưa giai đoạn 2 của dự án vận hành theo phương thức tự chảy và được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa giai đoạn 1 sau đó thoát ra 2 lưu vực thoát nước mưa của toàn Dự án.

1.2. Công trình thu gom nước thải:

Chủ Dự án đã xây dựng 12.331 m dài, 190 hố ga. Hệ thống thu gom nước thải được xây bằng cống ngầm với đường kính D300 – D600 kết hợp các ga thăm có kích thước là 1,2m x 0,8m x 1,2 m (dài x rộng x cao) và được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 1. Phương thức thu gom và thoát nước thải của dự án là theo hình thức tự chảy.

1.3. Công trình thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải được xây bằng mương gạch có nắp đan kích thước B500 mm và chiều dài là 200m, trong đó giai đoạn 2 xây dựng được 50m dài và đầu nối với đường cống thoát nước thải giai đoạn 1 của dự án sau đó thải ra nguồn tiếp nhận.

1.4. Công trình xử lý nước thải (XLNT):

a) Chủ Dự án đã xây dựng Hệ thống XLNT tập trung với 2 module, có tổng công suất thiết kế 6.000m³/ngày đêm (module 1 có công suất 2.000 m³/ngày đêm, đã cải tạo từ module 1 của nhà máy XLNT tập trung công suất 3000 m³/ngày đêm ở giai đoạn 1; module 2 có công suất 4.000 m³/ngày đêm), công nghệ xử lý hóa lý kết hợp vi sinh với diện tích là 10.000 m², trong đó: module 1 của nhà máy có diện tích khoảng 4.000 m²; module 2 có diện tích khoảng 3.400m², phần còn lại bố trí dự phòng cho module 3.

Lưu lượng nước thải (cập nhật đến thời điểm báo cáo) được thu gom, xử lý tại Hệ thống XLNT tập trung: 4.289 m³/ngày.đêm (khoảng 71% công suất thiết kế).

b) Quy trình công nghệ của Hệ thống XLNT tập trung:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà điều hành của Khu công nghiệp (KCN) Quang Minh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 2 m³/1 bể) trước khi dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN.

- Module 1: Nước thải từ hệ thống thu gom nước thải của KCN → Bể gom nước thải → Tách rác, tách mỡ → Bể điều hòa nước thải → Bể phản ứng hóa lý và lắng sơ cấp → Bể ANOXIC 1 → Bể AEROTEN 1 → Bể ANOXIC 2 → Bể AEROTEN 2 → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đưa đến bể phân hủy và làm đặc bùn → máy ép bùn → đóng bao lưu kho CTNH và đem đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH (gọi tắt là Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015).

- Module 2: Nước thải từ hệ thống thu gom nước thải của KCN → Bể gom nước thải → Tách rác, tách mỡ → Bể điều hòa nước thải → Bể phản ứng hóa lý và lắng sơ cấp → Bể SELECTOR → Bể AEROTEN → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đưa đến bể phân hủy bùn → bể làm đặc bùn → máy ép bùn → đóng bao lưu kho CTNH và đem đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

c) Chế độ vận hành của các công trình xử lý nước thải: Liên tục

d) Hóa chất sử dụng cho Hệ thống XLNT tập trung: Poly aluminium chloride 305, Polyacrylamide cationic C1492, Polyacrylamide anionic A1110, Sodiumhypochlorite NaOCl.

e) Vị trí nơi xả thải: Xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội.

f) Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Vả tại xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội.

g) Quy chuẩn đánh giá nước thải sau xử lý: Nước thải của KCN sau khi đã xử lý tại hệ thống XLNT tập trung được đối chiếu với QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,6$; $K_f = 0,9$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

h) Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục: COD, TSS, PH, DO, nhiệt độ lưu lượng được truyền tải về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đạt quy chuẩn cho phép khi đối chiếu QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,6$; $K_f = 0,9$) và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh giai đoạn 2 phải tuân thủ các quy định pháp luật về xử lý khí thải trước khi xả thải môi trường; tự chịu trách nhiệm xử lý khí thải phát sinh đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng đối với từng ngành nghề sản xuất trước khi xả khí thải ra môi trường; đảm bảo các yêu cầu về thiết kế nhà khí hoạt động trong KCN.

- Bụi khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là do các phương tiện giao thông, vận chuyển hàng hóa ra vào KCN. Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải do phương tiện vận chuyển, Chủ dự án đã tiến hành trồng cây xanh dọc 2 bên các tuyến đường và những khu vực tạo mỹ quan với tổng diện tích cây xanh của dự án là 36,47 ha.

- Đối với Hệ thống XLNT tập trung:

+ Thu gom và xử lý bùn thải đúng định kỳ, vận hành thiết bị ép bùn phù hợp, không để bùn tồn đọng lâu ngày dẫn đến quá trình kỵ khí, phát sinh mùi hôi.

+ Tạo không gian thoáng mát, trồng nhiều cây xanh quanh khu vực Hệ thống XLNT.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

- CTR công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN Quang Minh giai đoạn 2: Các doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm thực hiện việc ký kết hợp đồng thu gom chất thải với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

- CTR công nghiệp thông thường phát sinh từ khu vực Nhà điều hành KCN, quá trình vận hành Nhà máy XLNT tập trung được lưu trữ trong các xe gồng chở rác chuyên dụng. CTR phát sinh hằng ngày trên đường được thu gom vào các thùng rác cố định được đặt trên vỉa hè KCN. Chủ dự án đã ký hợp đồng vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ cao Minh Quân theo Hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường số 09/HĐDV-MQ.NĐ ngày 02/01/2019, tần suất vận chuyển 01 tuần/lần (Thời hạn gia hạn: 31/12/2020).

4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Các Doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh giai đoạn 2 tự chịu trách nhiệm thu gom, phân loại, bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH trong khuôn viên từng doanh nghiệp và ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

- CTNH phát sinh từ khu vực Nhà điều hành KCN, quá trình vận hành Nhà máy XLNT tập trung: Chủ dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số QLCTNH 01.000519.T ngày 30/08/2010 với các loại CTNH đã được đăng ký gồm: Bùn thải có chứa CTNH từ quá trình XLNT; Bông đèn huỳnh quang thải (chứa thủy ngân); Giẻ lau dính dầu, mỡ, dung môi; Bao bì thải các loại có chứa các thành phần nguy hại; Thực tế phát sinh thêm các loại CTNH gồm: Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.

- Thời điểm kiểm tra, Chủ dự án đã xây dựng:

+ 01 kho chứa hóa chất diện tích khoảng 15m². Kho chứa CTNH được xây dựng bằng tường xây bằng gạch, có gắn biển cảnh báo theo quy định. Xung quanh xây dựng rãnh để thu gom nước thải (nếu có) sau đó dẫn vào hệ thống XLNT tập trung của KCN.

+ 01 kho chứa bùn thải của hệ thống XLNT tập trung với diện tích khoảng 24m². Kho

chứa bùn thải của hệ thống XLNT tập trung được xây dựng bằng nhà lắp ráp khung sắt quay tròn, có gắn biển cảnh báo theo quy định. Xung quanh được xây dựng rãnh để thu gom nước thải (nếu có) sau đó dẫn vào hệ thống XLNT tập trung của KCN.

+ 01 Kho hóa chất diện tích khoảng 15m², tường xây bằng gạch, mái trần bê tông. Bên ngoài có gắn bảng tên, cảnh báo nguy hiểm và bố trí bình cứu hỏa, phương tiện phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất (thùng cát, xẻng xúc cát, trang bị bảo hộ lao động...).

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 01/2016/HĐDV-NDC&HB ngày 21/12/2016 kèm các Phụ lục Hợp đồng 01 ngày 01/12/2017, Phụ lục Hợp đồng 02 ngày 26/01/2018 và Phụ lục Hợp đồng 03 ngày 26/10/2018 với Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại (Thời hạn: 31/12/2020).

5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đã bố trí giao thông phục vụ phòng cháy chữa cháy (PCCC), khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn của công trình; đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, trang bị bình chữa cháy và được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Thành phố Hà Nội – Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 580/TD-PCCC ngày 24/08/2016.

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp và được Sở Công thương Hà Nội xác nhận tại văn bản số 3410/XN-SCT ngày 05/08/2014.

- Theo quy định tại Khoản 19 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (gọi tắt là *Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019*); quy định Khu công nghiệp và cơ sở đang hoạt động thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, hệ thống xử lý nước thải (không bao gồm các cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung) nếu không có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều này thì phải có kế hoạch xây lắp, gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; sau khi hoàn thành, phải lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do vậy, Chủ dự án cam kết hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngoài ra, Chủ dự án còn có các biện pháp khác để nâng cao chất lượng môi trường, phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro sự cố về môi trường như:

- Biện pháp đảm bảo an toàn lao động
- Biện pháp ứng phó sự cố môi trường do thiên tai
- Biện pháp ứng phó sự cố do quy trình công nghệ sản xuất

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố với đường ống thu gom nước thải
- Biện pháp ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

6. Chương trình quan trắc môi trường:

6.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo quy định tại Khoản 27 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 (đã bổ sung Điều 54a Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (gọi tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015)).

6.2. Quan trắc môi trường định kỳ

a) Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- *Vị trí giám sát:* 07 vị trí

KX001: Mẫu KKXQ công khu vực dự án

KX002: Mẫu KKXQ khu vực gần Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội và Công ty TNHH Katolec Việt Nam

KX003: Mẫu KKXQ khu vực gần đường tàu và gần Nhà máy xử lý nước thải

KX004: Mẫu KKXQ khu vực cổng Công ty TNHH Terumo Việt Nam

KX005: Mẫu KKXQ khu vực cuối khu công nghiệp

KX006: Mẫu KKXQ khu dân cư – cách khu công nghiệp 300m về phía Đông Bắc

KX007: Mẫu KKXQ khu vực gần Quốc lộ cách cổng chính 300m về phía Bắc

- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, CO₂, SO₂, CO, NO₂, TSP, THC.

- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT.

b) Giám sát chất lượng nước mặt:

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí

NM001: Nước mặt trước điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT 100m

NM002: Nước mặt tại điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT

NM003: Nước mặt sau điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT 100m

- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, pH, DO, độ đục, độ dẫn điện, TSS, TDS, BOD₅, COD, Amoni, CL⁻, Nitrat, Phosphate, tổng N, tổng P, Sunfat, CN⁻, As, Cd, Pb, Crom tổng số, Cu, Zn, Hg, Fe, Coliform, tổng phenol.

- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột A2)

c) Giám sát chất lượng nước cấp:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí

NH001: Tại điểm lấy mẫu của Nhà máy cấp nước sạch cho KCN Quang Minh (Tọa độ quan trắc: X= 2343551; Y = 0580629)

- *Thông số giám sát:* pH, độ đục, Amoni, SO_4^{2-} , Cl^- , NO_3^- , NO_2^- , Hg, As tổng số, Pb, Cd, sắt tổng số, Nitrit, Coliform, Ecoli.

- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 02:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (Cột I)

d) Giám sát chất lượng nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí

ND001: Nước giếng khoan nhà Cô Chung – Tổ 1

ND002: Nước giếng khoan nhà Cô Thuận – Tổ 1

ND003: Nước giếng khoan nhà Anh Lụa – Tổ 1

- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, pH, độ đục, độ dẫn điện, TDS, DO, BOD₅, TSS, COD, NH_4^+ , NO_3^- , SO_4^{2-} , NO_2^- , Cl^- , Phosphat, tổng N, tổng P, As, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, Coliform.

- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTMNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

e) Giám sát chất lượng đất:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí

DA001: Trước điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT 100m

DA002: Sau điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT 100m

- *Thông số giám sát:* N tổng số, P tổng số, K tổng số, Cacbon hữu cơ, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Fe, Dầu mỡ.

- *Tần suất giám sát:* 3 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất; TCVN 7373:2004, TCVN 7374:2004, TCVN 7375:2004 và TCVN 7376:2004 về chất lượng đất.

f) Giám sát chất lượng nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí

NT001: Tại điểm lấy mẫu trước hệ thống XLNT

NT002: Tại điểm lấy mẫu sau hệ thống XLNT

- *Thông số giám sát:* Theo quy định tại QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục bao gồm: COD, TSS, DO, PH, nhiệt độ, lưu lượng theo quy định tại Khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 (Khoản 20 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 ngày 13/5/2019 đã sửa đổi, bổ sung cho Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015).

- *Tần suất giám sát:* 1 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh:* QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_a = 0,6$; $K_f = 0,9$) và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.3. Quan trắc nước thải tự động, liên tục

- *Thông số giám sát:* COD, TSS, DO, PH, nhiệt độ, lưu lượng được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đạt quy chuẩn cho phép khi đối chiếu QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_a = 0,6$; $K_f = 0,9$) và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Tần suất giám sát:* hàng ngày.

7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình, bảo đảm công trình xử lý nước thải hoạt động đúng công suất, hiệu suất xử lý, nước thải sau xử lý đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý xả Kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Và tại xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội đạt quy chuẩn cho phép theo QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, $K_a = 0,6$; $K_f = 0,9$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật.

- Sau khi hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định, Chủ dự án phải lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hoàn thành *trước ngày 31 tháng 12 năm 2020*.

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số: 01.02.24/HĐ/CNX-HTSS

- Căn cứ luật doanh nghiệp (sửa đổi) và luật dân sự (sửa đổi) nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật số: 72/2020/QH14 ngày 01/01/2022 của Quốc hội về bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ giấy phép hành nghề Xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009.VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh lần thứ 2 ngày 10/9/2021;
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh, chúng tôi gồm có:

I. CHỦ NGUỒN THẢI (BÊN A): CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Địa chỉ công ty : Lô 49G Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh,
Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : +84 243 525 1858

Mã số thuế : 0110293694

Người đại diện : Ông AKIHIRO TSUKAMOTO Chức vụ: Tổng Giám đốc

II. CHỦ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH

Địa chỉ công ty : Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, tỉnh
Vĩnh phúc, Việt Nam

Điện thoại : 0211.2219010

Tài khoản : 258389988 Tại NH VP bank - CN Phúc Yên – Vĩnh Phúc

Mã số thuế : 0102169887

Người đại diện : Ông Đỗ Viết Bình Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- (1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A.
- (2) Toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường, nguy hại, được bên B vận chuyển đến nơi xử lý, tái chế theo đúng quy định của pháp luật.
- (3) Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 01 tháng 02 năm 2025. Sau khi hợp đồng hết hạn hai bên không có thỏa thuận gì thì hợp đồng này mặc nhiên gia hạn những năm tiếp theo.

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

- (1) Đặc tính hàng hóa: Chất thải công nghiệp thông thường, chất thải phế liệu, phế thải nguy hại, chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại tồn tại ở dạng lỏng, rắn.

- (2) Địa điểm giao nhận hàng hóa: CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 49G Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian giao nhận: Sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày.

Điện thoại thường trực khi gọi giao hàng: 0211 3869 994 (Điều tuyến xe vận chuyển)

- (3) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.
- (4) Địa điểm xử lý chất thải: Tại Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải – Thôn Thanh Cao – xã Ngọc Thanh – TP Phúc Yên – tỉnh Vĩnh Phúc.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

- (1) Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải tính bằng tiền Việt Nam đồng được áp dụng theo phụ lục đính kèm.
- (2) Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến và biên bản nghiệm thu khối lượng, chứng từ xử lý chất thải theo tháng để hai bên làm cơ sở thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải, phế liệu mới hai bên sẽ thống nhất phương án và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.
- (3) Đơn giá sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Bên A thanh toán toàn bộ số tiền thu gom vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên B bằng hình thức chuyển trả bằng séc, chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của bên B chậm nhất trong khoảng thời gian 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải, cùng các giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật và nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

- (1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo 0,4 của Hợp đồng.
- (2) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm phân loại, lưu giữ chất thải tại cơ sở phát sinh theo đúng quy định. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, phế liệu thì Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành cho phù hợp.
- (3) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng chất thải, quá trình xử lý chất thải.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- (1) Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và hợp đồng.
- (2) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải cần vận chuyển để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (3) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
- (4) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho Bên A đúng thời hạn.
- (5) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình vận chuyển, xử lý.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT

- (1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.
- (2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- (1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- (2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
 - (a) Khi hết hạn Hợp đồng
 - (b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản; hoặc
 - (c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại 0,4 trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- (2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- (1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- (2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - (a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - (b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- (3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- (1) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi các bên hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng và không có thỏa thuận gì thì hợp đồng được coi là được thanh lý.
- (2) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.
- (3) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.


ĐẠI DIỆN BÊN A
 CÔNG TY
 TNHH
 HTSS
 VIỆT NAM
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 TÔNG GIÁM ĐỐC
 TSUKAMOTO AKIHIRO

ĐẠI DIỆN BÊN B

 CÔNG TY
 TNHH
 MÔI TRƯỜNG
 CÔNG NGHIỆP XANH
 TP. PHÚC YÊN - T. VĨNH PHÚC
 GIÁM ĐỐC
 Đỗ Việt Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

- Căn cứ hợp đồng số 01.02.24/HĐ/CNX-HTSS ký ngày 01/02/2024 giữa Công ty TNHH HTSS Việt Nam và Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh.

- Căn cứ theo nhu cầu hợp tác của hai bên.

Hôm nay ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường Công Nghiệp Xanh, chúng tôi gồm có:

I. CHỦ NGUỒN THẢI (BÊN A): CÔNG TY TNHH HTSS VIỆT NAM

Địa chỉ công ty : Lô 49G Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 243 525 1858
Mã số thuế : 0110293694
Người đại diện : Ông AKIHIRO TSUKAMOTO Chức vụ: Tổng Giám đốc

II. CHỦ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH

Địa chỉ công ty : Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Điện thoại : 0211.2219010
Tài khoản : 258389988 Tại NH VP bank - CN Phúc Yên – Vĩnh Phúc
Mã số thuế : 0102169887
Người đại diện : Ông Đỗ Viết Bình Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng như sau:

1. Đơn giá xử lý chất thải (Chưa bao gồm thuế VAT)

STT	Danh mục	Mã CTNH	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	2.000
2	Giẻ lau bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	4.000
3	Cặn sơn, sơn và vecni thải	08 01 01	Kg	3.200
4	Nước thải lẫn sơn hoặc vec ni cô dung môi hữu cơ hoặc các TPNH	08 01 04	Kg	2.500

5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	3.000
6	Nhựa thải có đinh TPNH	16 01 09	Kg	1.000
7	Than hoạt tính thải	12 01 04	Kg	3.000
8	Rác thải sinh hoạt	-	Kg	2.000
9	Rác thải công nghiệp	-	Kg	2.000

2. Phụ lục này bắt đầu có hiệu lực từ ngày ký. Bản phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản (có giá trị pháp lý như nhau) và được coi là một phần không tách rời của hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải 01.02.24/HĐ/CNX-HTSS ký ngày 01/02/2024 giữa Công ty TNHH HTSS Việt Nam và Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh.

ĐẠI DIỆN BÊN A



(Signature)

TỔNG GIÁM ĐỐC
TSUKAMOTO AKIHIRO

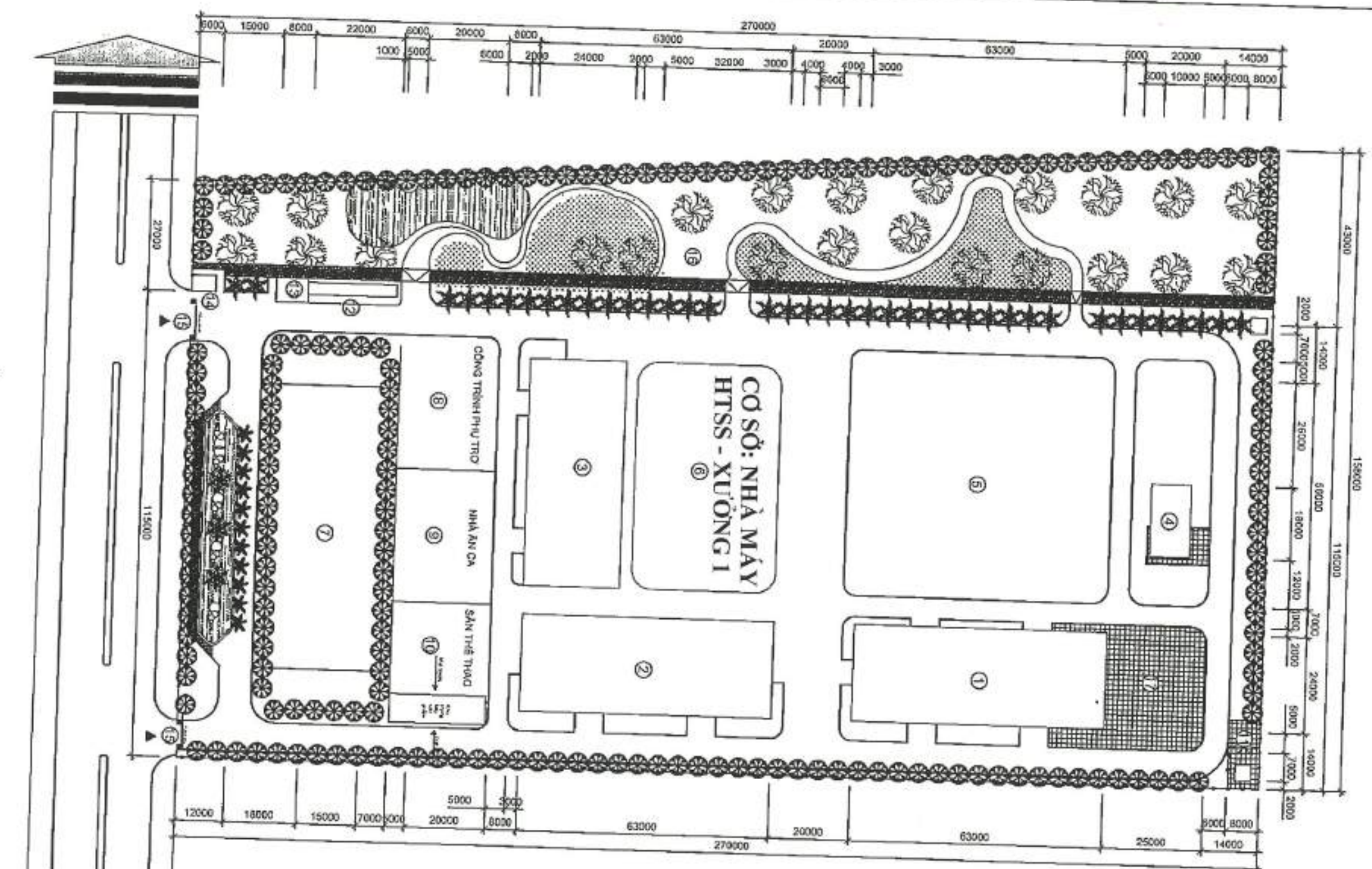
ĐẠI DIỆN BÊN B



(Signature)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình





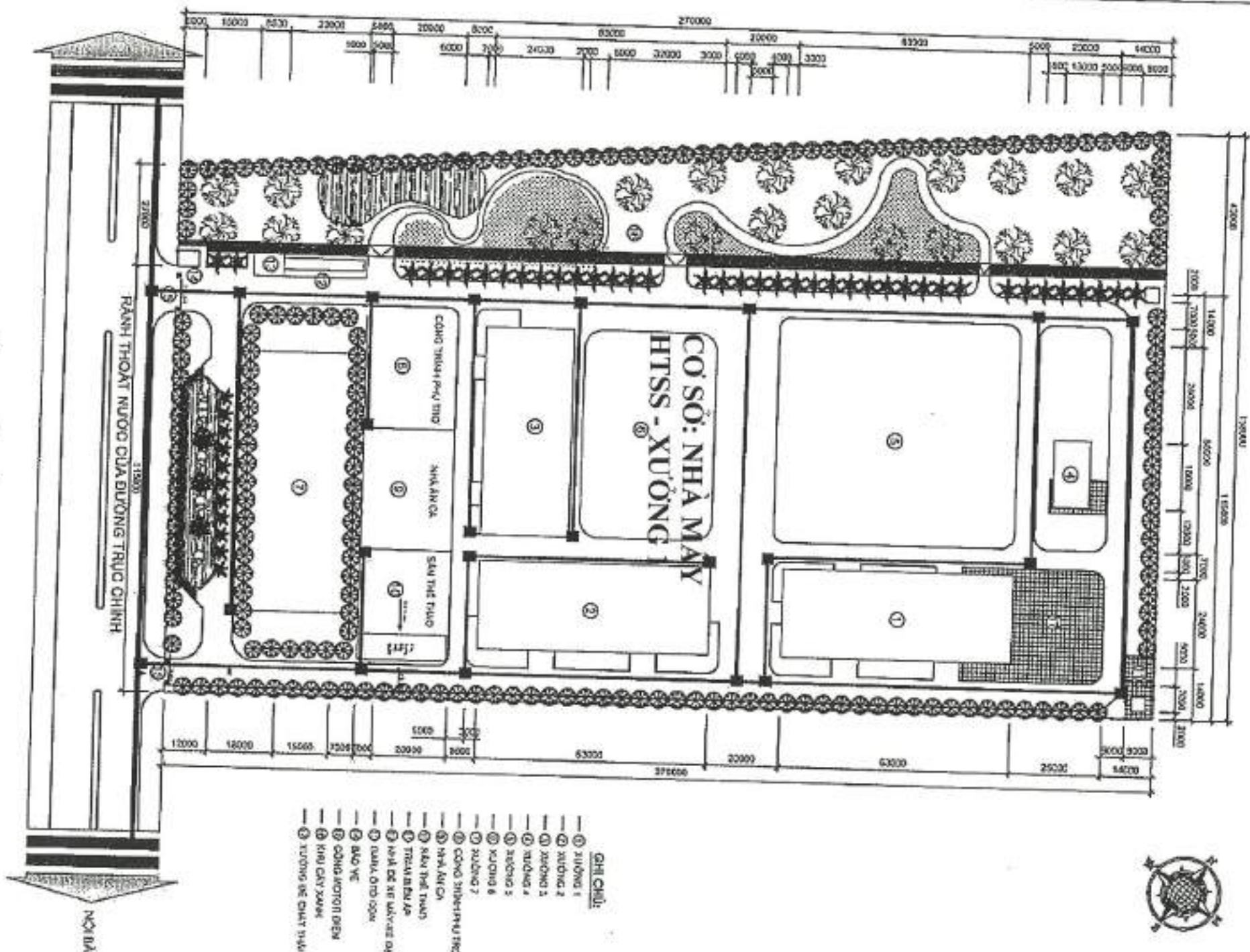
GHI CHÚ:

- ① XƯỜNG 1
- ② XƯỜNG 2
- ③ XƯỜNG 3
- ④ XƯỜNG 4
- ⑤ XƯỜNG 5
- ⑥ XƯỜNG 6
- ⑦ XƯỜNG 7
- ⑧ CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ
- ⑨ NHÀ AN CẢ
- ⑩ SÂN THỂ THAO
- ⑪ TRẠM ĐIỆN ÁP
- ⑫ NHÀ ĐỂ XE MÁY-XE ĐẠP
- ⑬ GARA ÔTÔ CON
- ⑭ BẢO VỆ
- ⑮ CÔNG MÔTƠ BIỂN
- ⑯ KHU CÂY XANH
- ⑰ XƯỜNG ĐẾ CHẤT THẢI

TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY

NỘI BÀI

TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY BẢN VẼ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA





Dường nhánh

APPROVED

GHI CHÚ:

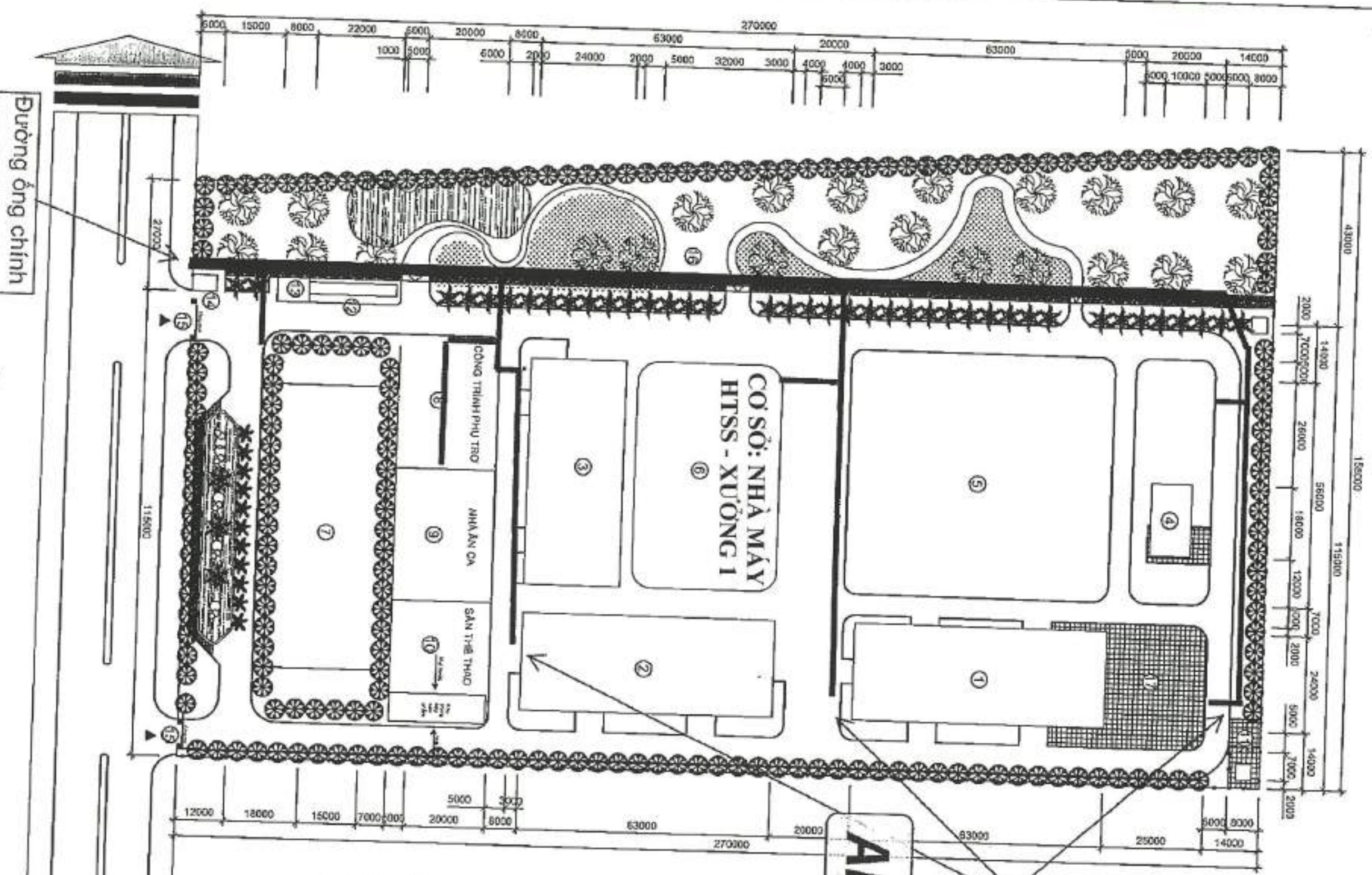
- ① XƯỞNG 1
- ② XƯỞNG 2
- ③ XƯỞNG 3
- ④ XƯỞNG 4
- ⑤ XƯỞNG 5
- ⑥ XƯỞNG 6
- ⑦ XƯỞNG 7
- ⑧ CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ
- ⑨ NHÀ ĂN CÀ
- ⑩ SÂN THỂ THAO
- ⑪ TRẦN BIÊN ÁP
- ⑫ NHÀ ĐỂ XE MÁY-XE ĐẠP
- ⑬ GARAGE ÔTÔ CON
- ⑭ BẢO VỆ
- ⑮ CÔNG MÔTƠ ĐIỆN
- ⑯ KHU CÂY XANH
- ⑰ XƯỞNG BẾ CHẤT THẢI

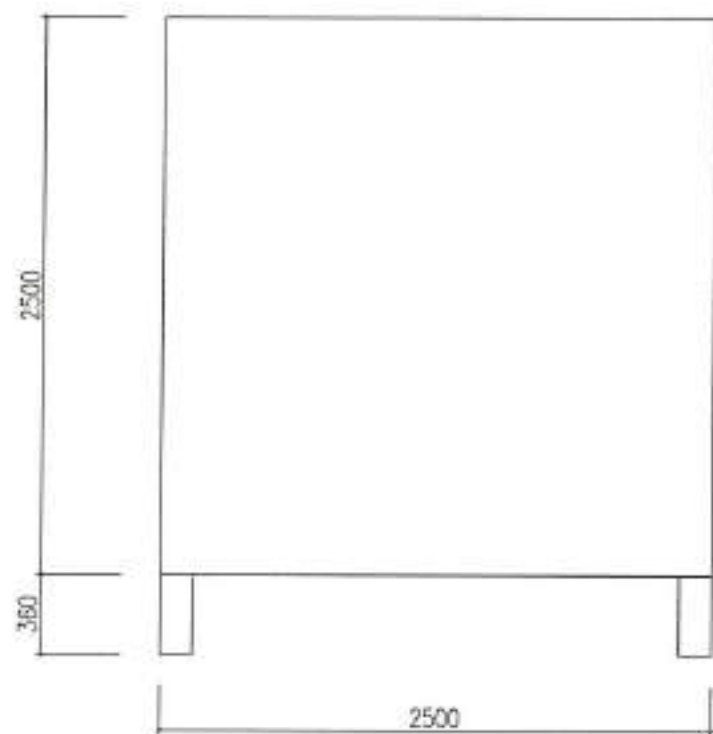
NỘI BÀI

Dường ống chính

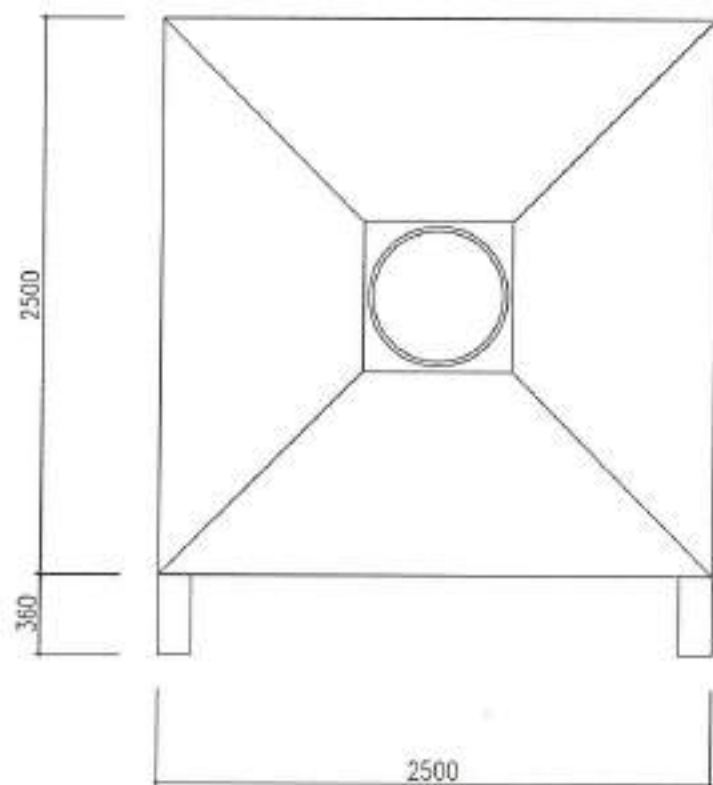
TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT

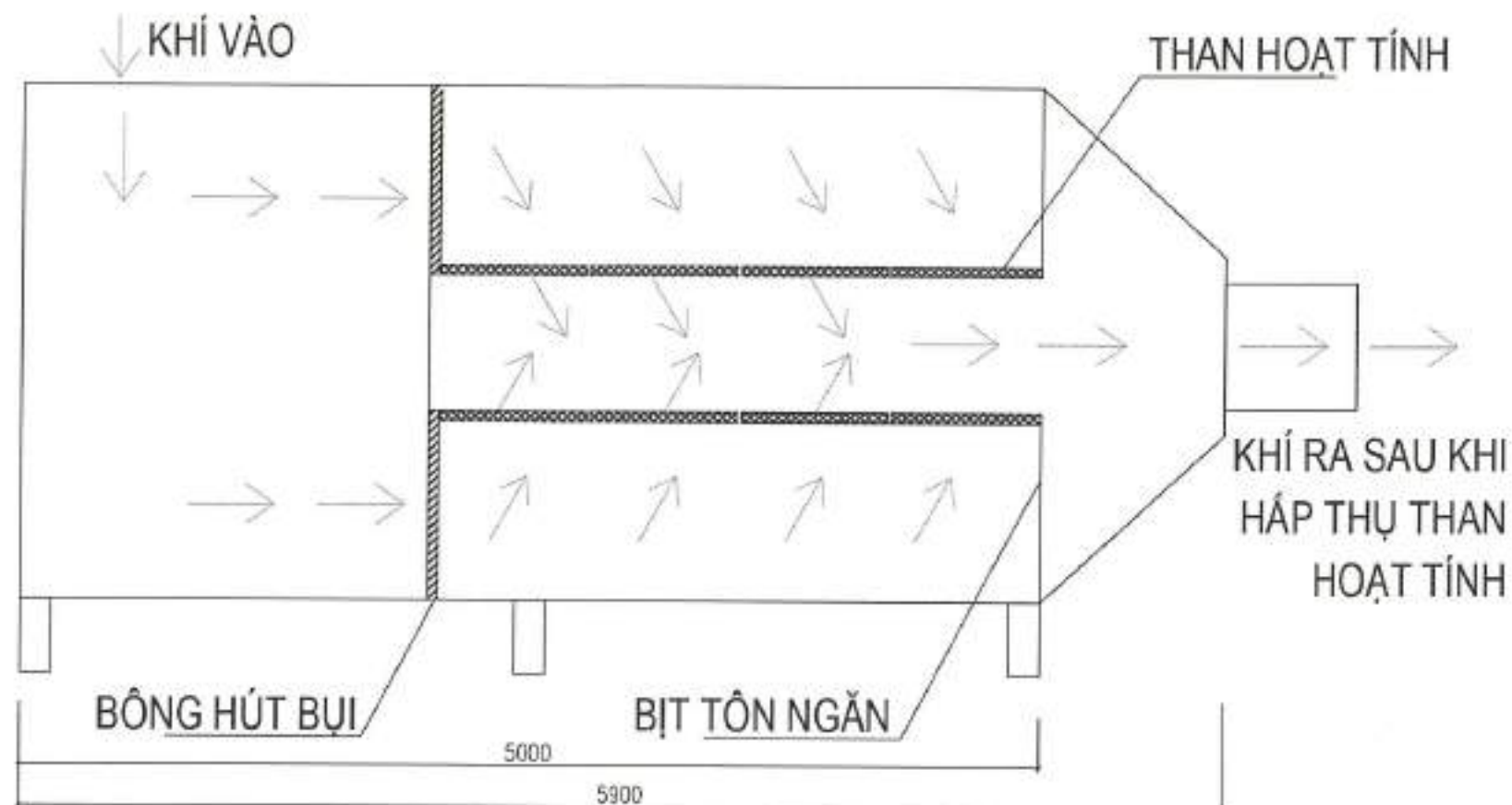




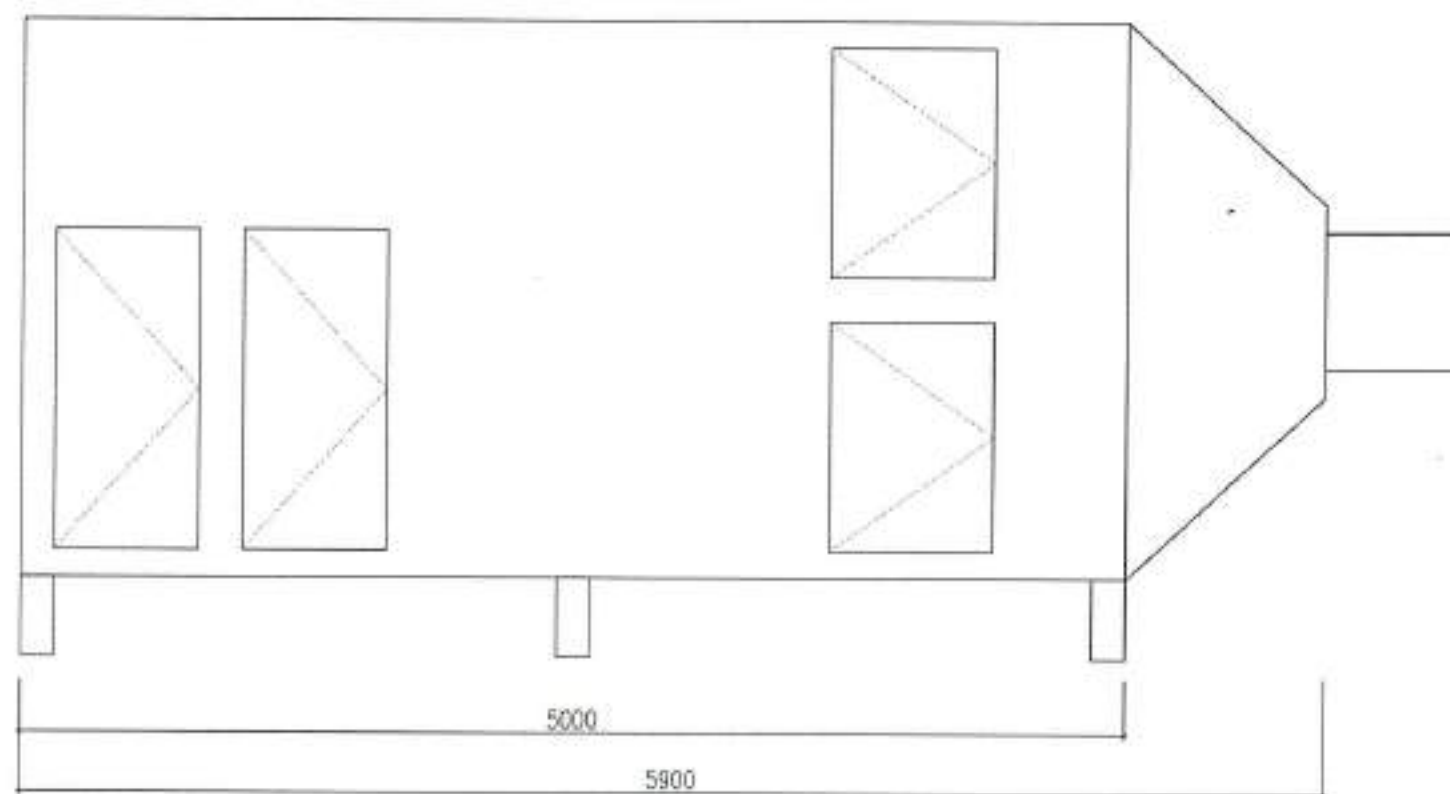
MĐ SAU BOOT LỘC THAN HOẠT TÍNH



MĐ TRƯỚC BOOT LỘC THAN HOẠT TÍNH



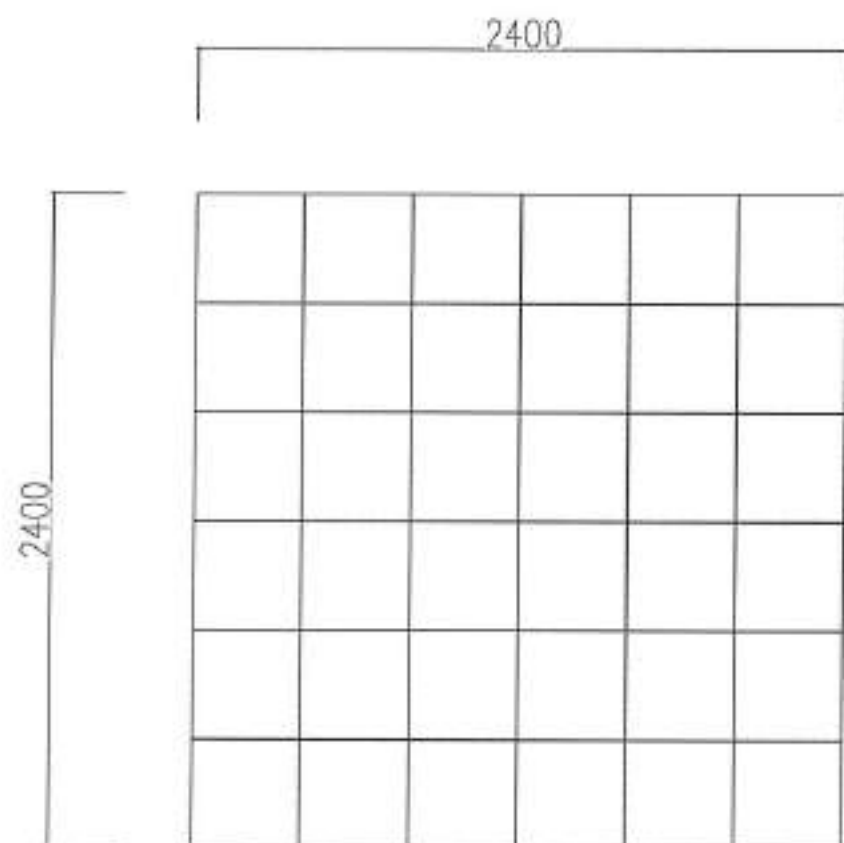
MẶT CẮT BOOT LỘC THAN HOẠT TÍNH



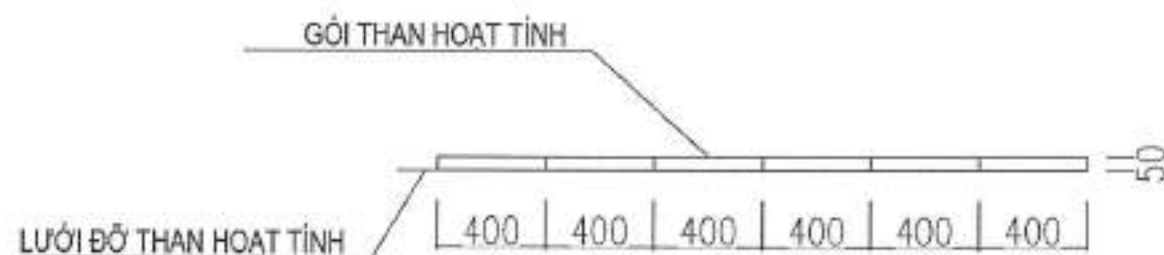
MẶT ĐỨNG BÊN BOOT LỘC THAN HOẠT TÍNH

KIỂM TRA THỰC TẾ TRƯỚC KHI THI CÔNG

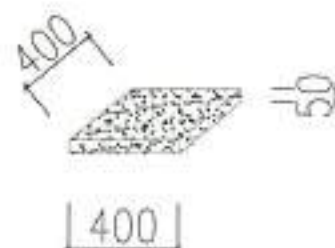
HIỆU CHỈNH		
TT	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
CHẾ ĐỒ TỈ - PROJECT OWNER		
CÔNG TRÌNH - PROJECT		
VỊA ĐOÀN - LOCATION OF PROJECT		
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ KẾN TRÚC - MÔI TRƯỜNG PK HOME		
		
ĐỊA CHỈ: THÔN BẠCH TRỖ, XÃ TIẾN THẮNG, HUYỆN MỸ LÍNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
QUẢN LÝ - DIRECTOR		
CHỦ BÊ THỂ		LÊ BÌNH SƠN
PHẠM ANH		
THỢ KẾ		LÊ BÌNH SƠN
DESIGN		
GIẤY		
CHECKER		
THIẾT KẾ - DRAWING DESIG		
BẢN VẼ CHI TIẾT		
DRAWING DESIGN OF EXECUTION		
NGÀY		23-06-2026
DATE		
TỈ LỆ		
SCALE		
KÝ SẪNG		
DRAWING NO		
PK HOME - COPYRIGHT RESERVED		



CHI TIẾT KHAY THAN HOẠT TÍNH



CHI TIẾT KHAY THAN HOẠT TÍNH



GÓI THAN HOẠT TÍNH

KIỂM TRA THỰC TẾ TRƯỚC KHI THI CÔNG

HỆ THỐNG		
TT	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		

CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG - PROJECT CHARTER	
CÔNG TRÌNH - PROJECT	
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION OF PROJECT	
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - NỘI THẤT PK HOME	
 ĐỊA CHỈ: THÔN BẠCH TRÚ, XÃ TIỀN THẮNG, HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
QUẢN LÝ DỰ ÁN - DIRECTOR	

CHỦ ĐẦU TƯ	LÊ ĐÌNH SƠN
PRINCIPAL ARCH	

THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH SƠN
DESIGN	

ĐIỂM	
CHECKER	

BẢN VẼ CHI TIẾT	
DRAWING DESIGN OF EXECUTION	
NGÀY HẠT DẠY	23-06-2026
TỈ LỆ	
SCALE	
KHAI BÁO	
DRAWING NO	
PK HOME - COPYRIGHT RESERVED	